

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

.....



ISO 9001:2015

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh viên : Phạm Thu Trang
Giảng viên hướng dẫn : Ths. Nguyễn Văn Thụ

HẢI PHÒNG – 2019

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

.....

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI
PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG
TY TNHH SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI MỸ TÍN**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Phạm Thu Trang
Giảng viên hướng dẫn : Ths. Nguyễn Văn Thụ**

HẢI PHÒNG – 2019

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

.....

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Phạm Thu Trang

Mã sinh viên: 151 240 1071

Lớp: QT1901K

Ngành: Kế toán – Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).
 - Trình bày các cơ sở lý luận về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.
 - Phân tích thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín
 - Đề ra các giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín
2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.
 - Các văn bản của Nhà nước về chế độ kế toán liên quan đến tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp có quy mô lớn.
 - Quy chế, quy định về kế toán – tài chính tại doanh nghiệp
 - Hệ thống sổ kế toán liên quan đến công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín, sử dụng số liệu năm 2018.
3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp:
 - Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín
 - Thị Trấn Trường Sơn, Huyện An Lão, Hải Phòng

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: Nguyễn Văn Thụ

Học hàm, học vị: Thạc sỹ

Cơ quan công tác: Trường Đại học Dân lập Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín.

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày tháng năm 2019

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày tháng năm 2019

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN
Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN
Người hướng dẫn

Phạm Thu Trang

Ths. Nguyễn Văn Thụ

Hải Phòng, ngày tháng.....năm 2019

Hiệu trưởng

GS.TS.NGƯT Trần Hữu Nghị

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU NHẬN XÉT CỦA GIẢNG VIÊN HƯỚNG DẪN TỐT NGHIỆP

Họ và tên giảng viên: *Nguyễn Văn Thu*

Đơn vị công tác: *Khoa Quản trị kinh doanh*

Họ và tên sinh viên: *Phạm Thu Trang* Chuyên ngành: *Kế toán - Kiểm toán*

Đề tài tốt nghiệp: *Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín*

Nội dung hướng dẫn: Hệ thống lý luận, nghiên cứu thực tế tại đơn vị từ đó đưa ra các giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp

- Chăm chỉ học hỏi, chịu khó sưu tầm số liệu, tài liệu phục vụ cho bài viết;
- Nghiêm túc, có ý thức tốt trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp;
- Chủ động nghiên cứu, luôn thực hiện tốt mọi yêu cầu được giao

2. Đánh giá chất lượng của đồ án/khoá luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...)

Bài viết của sinh viên *Phạm Thu Trang* đã đáp ứng được yêu cầu của một khoá luận tốt nghiệp. Kết cấu của khoá luận được tác giả sắp xếp khoa học, hợp lý được chia làm 3 chương:

Chương 1: Trong chương này, tác giả đã hệ thống hóa một cách chi tiết và đầy đủ các vấn đề lý luận cơ bản về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định hiện hành.

Chương 2: Trong chương này, tác giả đã trình bày được khá chi tiết và cụ thể thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty. Bài viết có số liệu minh họa cụ thể (Năm 2018). Số liệu minh họa trong bài viết chi tiết, phong phú và có tính logic cao.

Chương 3: Trong chương này, tác giả đã đánh giá được những ưu điểm, nhược điểm của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty, trên cơ sở đó tác giả đã đưa ra được các giải pháp hoàn thiện có tính khả thi và tương đối phù hợp với tình hình thực tế tại công ty.

3. Ý kiến của giảng viên hướng dẫn tốt nghiệp

Được bảo vệ

Không được bảo vệ

Điểm hướng dẫn

Hải Phòng, ngày 08 tháng 06 năm 2019

Giảng viên hướng dẫn

(Ký và ghi rõ họ tên)

Ths. Nguyễn Văn Thu

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1 LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA	3
1.1.Những vấn đề chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp nhỏ và vừa.....	3
1.1.1.Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.	3
1.1.2. Vai trò của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh	4
1.1.3. Một số khái niệm, thuật ngữ liên quan đến doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp nhỏ và vừa.	5
1.1.4. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....	8
1.2. Nội dung kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp nhỏ và vừa.....	9
1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ.	9
1.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán:	13
1.2.3. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh trong doanh nghiệp nhỏ và vừa.	19
1.2.4. Nội dung kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính	21
1.2.4.1 Nội dung kế toán doanh thu hoạt động tài chính	21
1.2.4.2. Kế toán chi phí hoạt động tài chính.....	23
1.2.5. Nội dung kế toán thu nhập, chi phí hoạt động khác trong doanh nghiệp.	25
1.2.5.1. Kế toán thu nhập hoạt động khác.	25
1.2.5.2 Kế toán chi phí hoạt động khác.....	27
1.2.6 Kế toán tổng hợp doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh toàn doanh nghiệp.....	29
1.3. Đặc điểm kế toán doanh thu, chi phí và kết quả hoạt động kinh doanh theo các hình thức kế toán trong doanh nghiệp nhỏ và vừa theo thông tư 133/TT-BTC	31
1.3.1. Hình thức Nhật ký chung.....	32
1.3.2. Hình thức Nhật ký – Sổ cái.....	32
1.3.3. Hình thức Chứng từ ghi sổ	33
1.3.4. Hình thức kế toán trên máy vi tính.....	34

CHƯƠNG 2 THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI MỸ TÍN.....	36
2.1. Khái quát chung về Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín.....	36
2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín.	36
2.1.2. Đặc điểm sản xuất kinh doanh của Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín.	37
2.1.3. Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý tại Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín.	38
2.1.4. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán và chính sách kế toán áp dụng tại Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín.....	40
2.1.4.1. Tổ chức bộ máy kế toán.....	40
2.1.4.2. Các chính sách và phương pháp kế toán áp dụng tại công ty.....	42
2.1.4.4. Tổ chức vận dụng hình thức kế toán và hệ thống sổ sách kế toán	43
Trình tự ghi sổ kế toán của Công ty được thể hiện qua sơ đồ sau:	43
2.2. Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí tại Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín	44
2.2.1. Thực trạng kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín	44
2.2.2. Nội dung hạch toán kế toán giá vốn hàng bán tại Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín	54
2.2.2.1. Phương pháp tình giá hàng xuất kho.....	54
2.2.3. Thực trạng công tác kế toán chi phí quản lý kinh doanh tại Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín.....	62
2.2.4. Nội dung kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính tại Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín	67
2.2.4.1. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính.....	67
2.2.4.2. Kế toán chi phí hoạt động tài chính.....	67
2.2.4.3. Phương pháp hạch toán.....	67
2.2.5. Nội dung kế toán thu nhập và chi phí khác tại Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín.	73
2.2.6. Tổng hợp doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín	80

CHƯƠNG 3 MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI MỸ TÍN	
.....	89
3.1. Đánh giá thực trạng công tác kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh nói riêng tại Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín	89
3.1.1. Ưu điểm	89
3.1.2. Hạn chế	91
3.2. Một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín	92
3.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện công tác kế toán hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh	92
3.2.2. Nguyên tắc của việc hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh	93
3.2.3. Một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín	93
KẾT LUẬN	100
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	101

DANH MỤC SƠ ĐỒ

<i>Sơ đồ 1.1: Sơ đồ trình tự hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo phương thức bán trực tiếp</i>	12
<i>Sơ đồ 1.2:Hạch toán doanh thu bán hàng thông qua đại lý. (Theo phương pháp bán đúng giá hưởng hoa hồng).</i>	13
<i>Sơ đồ 1.3: Hạch toán doanh thu bán hàng theo phương thức trả chậm trả góp.</i>	13
<i>Sơ đồ 1.4: Sơ đồ trình tự hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên</i>	17
<i>Sơ đồ 1.5: Sơ đồ trình tự hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ</i>	18
<i>Sơ đồ 1.6: Sơ đồ trình tự hạch toán chi phí quản lý kinh doanh.</i>	20
<i>Sơ đồ 1.7: Sơ đồ trình tự hạch toán doanh thu hoạt động tài chính</i>	22
<i>Sơ đồ 1.8: Sơ đồ trình tự hạch toán chi phí tài chính</i>	24
<i>Sơ đồ 1.9: Sơ đồ trình tự hạch toán thu nhập hoạt động khác</i>	26
<i>Sơ đồ 1.10: Sơ đồ trình tự hạch toán chi phí hoạt động khác</i>	28
<i>Sơ đồ 1.11: Sơ đồ trình tự hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh toàn doanh nghiệp</i>	31
<i>Sơ đồ 1.11 : Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán Nhật ký chung</i>	32
<i>Sơ đồ 1.12: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán Nhật ký - Sổ cái</i>	33
<i>Sơ đồ 1.13: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu - chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ</i>	34
<i>Sơ đồ 1.14: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu - chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán máy</i>	35
<i>Sơ đồ 2.1: Bộ máy quản lý Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín</i>	39
<i>Sơ đồ 2.2 : Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín</i>	41
<i>Sơ đồ 2.3 Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung</i>	43
<i>Sơ đồ 2.4. Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu tại Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín</i>	46
<i>Sơ đồ 2.5. Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán giá vốn tại Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín</i>	55
<i>Sơ đồ 2.6. Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán chi phí QLKD tại Công ty TNHH Sản xuất và</i>	62
<i>Sơ đồ 2.7. Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính tại Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín</i>	67
<i>Sơ đồ 2.8. Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán thu nhập, chi phí khác tại Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín</i>	73
<i>Sơ đồ 2.9: Sơ đồ xác định doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh</i>	81

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Biểu số 2.1: Hóa đơn giá trị gia tăng	47
Biểu số 2.2: Hóa đơn giá trị gia tăng	48
Biểu số 2.3: Giấy báo có	49
Biểu số 2.4: Trích sổ Nhật ký chung.....	50
Biểu số 2.5 : Trích sổ cái tài khoản 511	51
Biểu số 2.6: Sổ chi tiết bán hàng	52
Biểu số 2.7: Bảng tổng hợp doanh thu.....	53
Biểu số 2.8: Phiếu xuất kho	56
Biểu số 2.9: Phiếu xuất kho	57
Biểu số 2.10: Trích sổ Nhật ký chung.....	58
Biểu số 2.11: Sổ cái TK 632	59
Biểu số 2.12: Sổ chi tiết giá vốn.....	60
Biểu số 2.13: Bảng tổng hợp giá vốn.....	61
Biểu số 2.14: Hóa đơn giá trị gia tăng	63
Biểu số 2.15: Phiếu chi.....	64
Biểu số 2.16: Trích sổ Nhật ký chung.....	65
Biểu số 2.17. Trích sổ cái TK642	66
Biểu số 2.18: Giấy báo có.....	68
Biểu số 2.19: Giấy báo nợ của ngân hàng Công thương	69
Biểu số 2.20: Trích sổ Nhật ký chung.....	70
Biểu số 2.21. Trích sổ cái TK 515	71
Biểu số 2.22. Trích sổ cái TK 635	72
Biểu số 2.23: Hóa đơn GTGT.....	74
Biểu 2.24: Phiếu thu	75
Biểu 2.25: Phiếu chi	76
Biểu số 2.26: Trích sổ Nhật ký chung.....	77
Biểu số 2.27. Trích sổ cái TK 711	78
Biểu số 2.28. Trích sổ cái TK 811	79
Biểu số 2.29. Phiếu kế toán số 19.....	82
Biểu số 2.30. Phiếu kế toán số 20.....	82
Biểu số 2.31. Phiếu kế toán số 21	83
Biểu số 2.32. Phiếu kế toán số 22.....	83
Biểu số 2.33. Phiếu kế toán số 23.....	83

Biểu số 2.34: Trích sổ Nhật ký chung.....	84
Biểu số 2.35. Trích sổ cái TK 911	86
Biểu số 2.36. Trích sổ cái TK 421	87
Biểu số 2.37: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.....	88
Biểu 3.1: Bảng trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi.....	97
Biểu số 3.2: Sổ chi phí quản lý kinh doanh.....	99

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

1. TT-BTC	Thông tư của Bộ tài chính
2. TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
3. GTGT	Giá trị gia tăng
4. TTĐB	Tiêu thụ đặc biệt
5. BVMT	Bảo vệ môi trường
6. CCDV	Cung cấp dịch vụ
7. CKTM	Chiết khấu thương mại
8. SPS	Số phát sinh
9. BHXH	Bảo hiểm xã hội
10. BHYT	Bảo hiểm y tế
11. KPCĐ	Kinh phí công đoàn
12.XDCB	Xây dựng cơ bản
13. TNDN	Thu nhập doanh nghiệp
14. KQKD	Kết quả kinh doanh

LỜI MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong nền kinh tế hiện nay, mỗi doanh nghiệp phải năng động, sáng tạo trong kinh doanh, phải chịu trách nhiệm trước kết quả kinh doanh của mình, bảo toàn được vốn kinh doanh và quan trọng hơn là kinh doanh có lãi. Muốn như vậy các doanh nghiệp phải nhận thức được tầm quan trọng của khâu tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa vì nó quyết định đến kết quả kinh doanh của doanh nghiệp và là cơ sở để doanh nghiệp có thu nhập bù đắp chi phí bỏ ra, thực hiện nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước.

Bên cạnh đó, mục đích hoạt động của doanh nghiệp là lợi nhuận nên việc xác định đúng đắn kết quả kinh doanh nói chung và kết quả bán hàng nói riêng là rất cần thiết. Do vậy bên cạnh các biện pháp quản lý chung, việc tổ chức hợp lý công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là rất quan trọng giúp doanh nghiệp có đầy đủ thông tin kịp thời và chính xác để đưa ra quyết định đúng đắn.

Vì vậy, để kế toán đặc biệt là kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh phát huy hết vai trò chức năng của nó, cần phải biết tổ chức công tác này một cách hợp lý, khoa học và thường xuyên.

Với nhận thức đó, từ những kiến thức chuyên ngành đã học tại trường cùng với sự giúp đỡ của *Thạc sỹ Nguyễn Văn Thụ*, kết hợp với việc tìm hiểu thực tế tại Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín, em đã quyết định chọn đề tài nghiên cứu “*Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín*” làm đề tài khóa luận của mình.

2. Mục đích nghiên cứu của đề tài

- Hệ thống hóa lý luận chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp nhỏ và vừa.
- Mô tả thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín
- Đề xuất một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu,

chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài

- Đối tượng nghiên cứu: Tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp nhỏ và vừa.

- Phạm vi nghiên cứu: tại Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín

4. Phương pháp nghiên cứu

- Các phương pháp kế toán.

- Phương pháp thống kê, so sánh.

5. Kết cấu của khóa luận

Kết cấu của khóa luận ngoài phần mở đầu và kết luận gồm 03 chương:

Chương 1: Lý luận chung về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong các doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Chương 2: Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín.

Chương 3: Một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín.

CHƯƠNG 1**LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA**

1.1 Những vấn đề chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp nhỏ và vừa.

1.1.1. Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

Trong nền kinh tế thị trường hiện nay, vấn đề mà các doanh nghiệp luôn quan tâm là làm thế nào để hoạt động kinh doanh có hiệu quả cao nhất (tối đa hóa lợi nhuận và tối thiểu hóa rủi ro); và lợi nhuận là thước đo kết quả hoạt động kinh doanh trong doanh nghiệp, các yếu tố liên quan trực tiếp đến việc xác định lợi nhuận là doanh thu, chi phí. Do đó doanh nghiệp cần kiểm tra doanh thu, chi phí để đạt được kết quả cao nhất.

Doanh thu là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm gia tăng vốn chủ sở hữu. Doanh thu là một khâu trong quá trình bán hàng, là giai đoạn cuối cùng của giai đoạn kinh doanh, có ý nghĩa rất quan trọng với doanh nghiệp thương mại, dịch vụ vì nó giúp doanh nghiệp thu hồi vốn để tiếp tục quá trình kinh doanh tiếp theo.

Đồng thời, các doanh nghiệp cũng luôn quan tâm đến quản lý chi phí, bởi nếu chi phí không hợp lý, không đúng với thực chất của nó thì đều gây ra những khó khăn trong quản lý và đều làm giảm lợi nhuận của doanh nghiệp. Vì vậy vấn đề quan trọng đặt ra cho các nhà quản lý là phải kiểm soát được chi phí sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Kết quả kinh doanh là biểu hiện số tiền lãi hay lỗ từ hoạt động sản xuất kinh doanh trong một thời kỳ nhất định.

Khi quá trình kinh doanh hoàn thành, doanh nghiệp xác định kết quả kinh doanh trên cơ sở so sánh tổng doanh thu thu được và tổng chi phí phát sinh trong quá trình kinh doanh. Kết quả kinh doanh có thể lãi hoặc lỗ, nếu lỗ sẽ được xử lý

bù đắp theo chế độ và quy định của cấp có thẩm quyền, nếu lãi được phân phối và sử dụng theo đúng mục đích phù hợp với cơ chế tài chính quy định cho từng loại doanh nghiệp cụ thể.

Việc tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh một cách khoa học, hợp lý và phù hợp với điều kiện cụ thể của doanh nghiệp có ý nghĩa quan trọng trong việc thu thập, xử lý và cung cấp thông tin cho chủ doanh nghiệp, giám đốc điều hành, cơ quan chủ quản, quản lý tài chính, thuế... để lựa chọn phương án kinh doanh có hiệu quả, giám sát việc chấp hành chính sách, chế độ kinh tế, tài chính, chính sách thuế...

Như vậy, hệ thống kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng đóng vai trò quan trọng trong việc tập hợp ghi chép các số liệu về tình hình hoạt động của doanh nghiệp, qua đó cung cấp được những thông tin cần thiết giúp cho chủ doanh nghiệp có thể phân tích, đánh giá và lựa chọn phương án kinh doanh, phương án đầu tư có hiệu quả nhất.

1.1.2. Vai trò của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

Doanh thu có vai trò hết sức quan trọng không chỉ đối với sự tồn tại và phát triển của bản thân doanh nghiệp sản xuất, thương mại mà còn đối với sự phát triển chung của toàn nền kinh tế, đặc biệt là nền kinh tế thị trường. Để đạt được doanh lợi ngày càng cao, các doanh nghiệp phải xây dựng cho mình kế hoạch kinh doanh, trong đó phải tính đầy đủ, chính xác các khoản chi phí và kết quả đạt được. Tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là công cụ quan trọng trong quản lý và điều hành có hiệu quả các hoạt động của doanh nghiệp trong quá trình kinh doanh.

Thông tin kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh cung cấp giúp nhà quản trị doanh nghiệp nắm được tình hình thực hiện kế toán doanh thu của doanh nghiệp về loại hình, số lượng, chất lượng, giá cả, thời hạn thanh toán; kiểm tra tình hình thực hiện các dự toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí hoạt động tài chính và chi phí khác, xác định kết quả kinh doanh của đơn vị. Trên cơ sở đó đưa ra những biện pháp định hướng cho hoạt động kinh doanh trong kỳ tiếp theo, hoàn thiện hoạt động kinh doanh, hoạt động

quản lý, tiết kiệm chi phí, tăng doanh thu.

Thông tin kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh cung cấp giúp Nhà nước (Cơ quan thuế, các cơ quan chức năng, cơ quan thống kê...) kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước, từ đó đưa ra các chính sách thích hợp nhằm phát triển toàn diện nền kinh tế quốc dân.

Thông tin kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh cung cấp là mối quan tâm của những người có lợi ích trực tiếp liên quan đến tình hình kinh doanh của doanh nghiệp như các nhà đầu tư, nhà cung cấp, các chủ nợ... Đó là cơ sở để các đối tượng này nắm bắt được tình hình kinh doanh của doanh nghiệp, kịp thời đưa ra các quyết định kinh doanh có lợi nhất cho mình.

Những phân tích trên cho thấy kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh có vai trò hết sức quan trọng trong việc thu thập, xử lý và cung cấp thông tin cho các đối tượng có nhu cầu sử dụng thông tin, giúp các đối tượng này đưa ra các quyết định kinh doanh một cách phù hợp và kịp thời. Do đó, việc tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh một cách khoa học và hợp lý là vô cùng cần thiết và có ý nghĩa lớn trong việc thực hiện cung cấp thông tin kinh tế kịp thời, chính xác, góp phần phát huy đầy đủ vai trò của hạch toán kế toán nói chung trong quản lý kinh tế tài chính ở doanh nghiệp.

1.1.3. Một số khái niệm, thuật ngữ liên quan đến doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp nhỏ và vừa.

- *Doanh thu*: Doanh thu là tổng giá trị của các lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu. Các khoản thu hộ bên thứ ba không phải là nguồn lợi kinh tế, không làm tăng vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp nên sẽ không được coi là doanh thu. Các khoản vốn góp của cổ đông hoặc chủ sở hữu làm tăng vốn chủ sở hữu không là Doanh thu. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được.

- *Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ*: là toàn bộ số tiền doanh nghiệp thu được và sẽ thu được từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ cho khách hàng đã trừ các khoản giảm trừ (chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán...) trong kỳ báo cáo, làm căn cứ tính kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

- *Doanh thu hoạt động tài chính*: Là tổng lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được trong kỳ hạch toán phát sinh liên quan đến hoạt động tài chính bao gồm những khoản thu về tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

- *Thu nhập khác*: Là những khoản thu mà doanh nghiệp không dự tính trước được hoặc có dự tính đến nhưng ít có khả năng thực hiện hoặc là những khoản không mang tính chất thường xuyên.

- *Các khoản giảm trừ doanh thu*.

+ *Chiết khấu thương mại*: Là khoản tiền chênh lệch giá bán nhỏ hơn giá niêm yết doanh nghiệp đã giảm trừ cho người mua hàng do người mua hàng đã mua sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ với số lượng lớn theo thỏa thuận về chiết khấu thương mại đã ghi trên hợp đồng kinh tế hoặc cam kết mua bán hàng.

+ *Giảm giá hàng bán*: Là khoản giảm trừ được doanh nghiệp (bên bán) giảm trừ cho bên mua hàng trong trường hợp đặc biệt, vì lý do hàng bán bị kém phẩm chất, không đúng quy cách, hoặc không đúng thời hạn...đã ghi trong hợp đồng kinh tế.

+ *Giá trị hàng bán bị trả lại*: Là số sản phẩm, hàng hóa doanh nghiệp đã ghi nhận doanh thu nhưng bị khách hàng trả lại do vi phạm các điều kiện đã cam kết trong hợp đồng kinh tế hoặc theo chính sách bảo hành như: hàng kém phẩm chất, hàng sai quy cách chủng loại.

+ *Thuế TTĐB, thuế xuất khẩu, thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp*: được xác định theo số lượng sản phẩm hàng hóa tiêu thụ, giá tính thuế và thuế suất của từng mặt hàng. Trong đó:

- *Thuế tiêu thụ đặc biệt*: Là loại thuế được đánh vào doanh thu của các doanh nghiệp sản xuất một số mặt hàng đặc biệt mà nhà nước không khuyến khích sản

xuất như: Bia, rượu, thuốc lá, vàng mã, bài lá...

- Thuế xuất khẩu: Là một sắc thuế đánh vào tất cả hàng hóa, dịch vụ mua bán, trao đổi với nước ngoài khi xuất khẩu ra khỏi lãnh thổ Việt Nam.

- Thuế giá trị gia tăng tính theo phương pháp trực tiếp: Là số thuế tính trên phần giá trị tăng thêm của hàng hóa, dịch vụ phát sinh từ quá trình sản xuất, lưu thông đến tiêu dùng.

- *Giá vốn hàng bán*: Là giá trị thực tế xuất kho của số sản phẩm hàng hóa (hoặc bao gồm chi phí mua hàng phân bổ cho hàng hóa đã bán trong kỳ đối với doanh nghiệp thương mại), hoặc là giá thành thực tế lao vụ, dịch vụ hoàn thành và đã được xác định là tiêu thụ và các khoản chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh được tính vào giá vốn hàng bán để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

- *Chi phí quản lý kinh doanh* là: những khoản chi phí có liên quan đến hoạt động bán hàng và quản lý chung của toàn bộ hoạt động của cả doanh nghiệp mà không tách riêng được cho bất kỳ hoạt động nào.

- *Chi phí hoạt động tài chính*: Phản ánh các khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính, chi phí đi vay và cho vay vốn, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ.....

- *Chi phí khác* là: các khoản chi phí phát sinh cho các sự kiện hay nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp. Chi phí khác của doanh nghiệp bao gồm: chi phí thanh lý, chi phí nhượng bán TSCĐ, phạt tiền do vi phạm hợp đồng kinh tế, giá trị còn lại của TSCĐ khi thanh lý, nhượng bán.

+ *Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp* là khoản chi bao gồm thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại nhằm mục đích xác định kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành.

- *Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp*.

Kết quả kinh doanh là phần thu nhập còn lại sau khi trừ đi tất cả các chi phí. Kết quả kinh doanh là mục đích cuối cùng của mọi doanh nghiệp, nó phụ thuộc vào quy mô và chất lượng của quá trình sản xuất kinh doanh. Hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm 3 hoạt động cơ bản:

+ *Kết quả hoạt động bán hàng, cung cấp dịch vụ*: Là hoạt động sản xuất tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, lao vụ, dịch vụ của các ngành sản xuất kinh doanh chính và sản phẩm kinh doanh phụ.

+ *Kết quả hoạt động tài chính*: Là hoạt động đầu tư về vốn và đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn với mục tiêu kiếm lời.

+ *Kết quả hoạt động khác*: Là hoạt động ngoài dự kiến của doanh nghiệp.

+ *Lãi sau thuế*: Là phần còn lại sau khi loại trừ phần thuế thu nhập doanh nghiệp

$Lãi\ sau\ thuế = Thu\ nhập\ chịu\ thuế - Thuế\ thu\ nhập\ doanh\ nghiệp$

1.1.4. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

Để phát huy vai trò thực sự của kế toán là công cụ quản lý kinh tế ở doanh nghiệp, kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh cần phải thực hiện các nhiệm vụ sau:

+ Phản ánh và ghi chép đầy đủ, kịp thời, chính xác tình hình hiện có và sự biến động của từng loại sản phẩm, hàng hóa theo chỉ tiêu số lượng, chất lượng, chủng loại, giá trị...

+ Phản ánh đầy đủ, kịp thời, chi tiết tình hình tiêu thụ ở tất cả trạng thái như hàng tồn kho...

+ Xác định đúng thời điểm hàng hóa được coi là tiêu thụ để phản ánh doanh thu một cách chính xác và kịp thời để lập báo cáo tiêu thụ.

+ Lựa chọn phương án tính giá vốn hàng xuất kho theo phương pháp phù hợp.

+ Phản ánh, tính toán và ghi chép đầy đủ, kịp thời, chính xác các khoản doanh thu, các khoản giảm trừ doanh thu và các khoản chi phí của từng loại hoạt động trong doanh nghiệp như: chi phí quản lý doanh nghiệp, giá vốn hàng bán... Từ đó đưa ra kiến nghị, giải pháp nhằm hoàn thiện việc tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh. Đồng thời theo dõi, đôn đốc các khoản phải thu khách hàng.

+ Phản ánh và tính toán chính xác kết quả từng hoạt động, giám sát tình hình thực hiện nhiệm vụ đối với Nhà nước để họ có căn cứ đánh giá sức mua, đánh giá tình hình tiêu dùng, đề xuất các chính sách ở tầm vĩ mô.

+ Cung cấp các thông tin kế toán cần thiết để phục vụ cho việc lập báo cáo tài chính và định kỳ phân tích hoạt động kinh tế liên quan đến bán hàng, xác định kết quả kinh doanh.

1.2. Nội dung kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp nhỏ và vừa.

1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ.

❖ Điều kiện ghi nhận doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ:

Doanh nghiệp chỉ ghi nhận doanh thu bán hàng khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm, hàng hóa cho người mua;

- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);

- Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;

- Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

❖ Điều kiện ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;

- Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo;

- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

❖ Điều kiện ghi nhận Doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia:

- Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia của doanh nghiệp được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- + Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
 - + Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận trên cơ sở:
- + Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ;
 - + Tiền bản quyền được ghi nhận trên cơ sở dồn tích phù hợp với hợp đồng;
 - + Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

❖ Nguyên tắc kế toán doanh thu

Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ phải đảm bảo thỏa mãn các nguyên tắc sau:

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu được tiền hoặc sẽ thu được tiền từ các giao dịch và các nghiệp vụ phát sinh doanh thu như: Bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán (nếu có).

- Đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ chịu thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá bán chưa có thuế GTGT.

- Đối với sản phẩm, hàng hóa không chịu thuế GTGT hoặc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng giá thanh toán.

- Đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt hoặc thuế xuất khẩu thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng giá thanh toán (Bao gồm cả thuế tiêu thụ đặc biệt hoặc thuế xuất khẩu).

- Những doanh nghiệp nhận gia công vật tư, hàng hóa thì chỉ phản ánh vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư hàng hóa nhận gia công.

- Đối với hàng hóa nhận đại lý, ký gửi theo phương thức bán đúng giá hoa hồng thì hạch toán vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ phần hoa hồng bán hàng mà doanh nghiệp được hưởng.

- Trường hợp bán hàng theo phương thức trả chậm trả góp thì doanh nghiệp ghi nhận doanh thu bán hàng theo giá bán trả tiền ngay và ghi nhận vào doanh thu chưa thực hiện phân lãi tính trên khoản phải trả nhưng trả chậm phù hợp với thời điểm ghi nhận doanh thu được xác định.

❖ **Chứng từ sử dụng:**

- + Hóa đơn GTGT; Hóa đơn bán hàng;
- + Phiếu xuất kho; Phiếu thu
- + Giấy báo có của Ngân hàng;
- + Các chứng từ khác có liên quan;

❖ **Tài khoản sử dụng:**

• **Tài khoản 511 – “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”**

✓ *Kết cấu TK 511 :*

Bên Nợ:

- Các khoản thuế gián thu phải nộp (GTGT, TTĐB, XK, BVMT);
- Các khoản giảm trừ doanh thu;
- Kết chuyển doanh thu thuần vào tài khoản 911 "Xác định kết quả kinh doanh".

Bên Có:

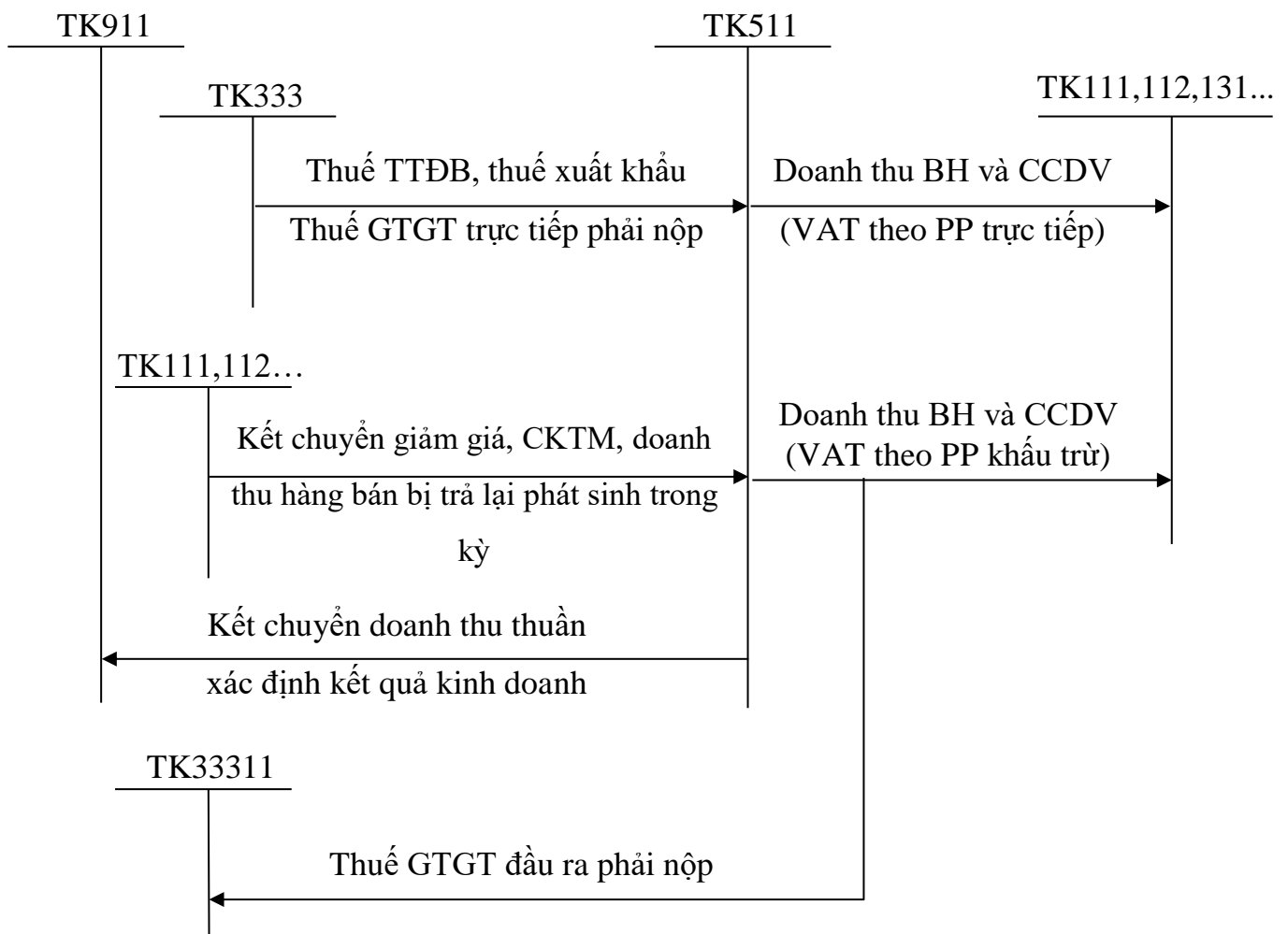
Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán.

Tài khoản 511 không có số dư cuối kỳ.

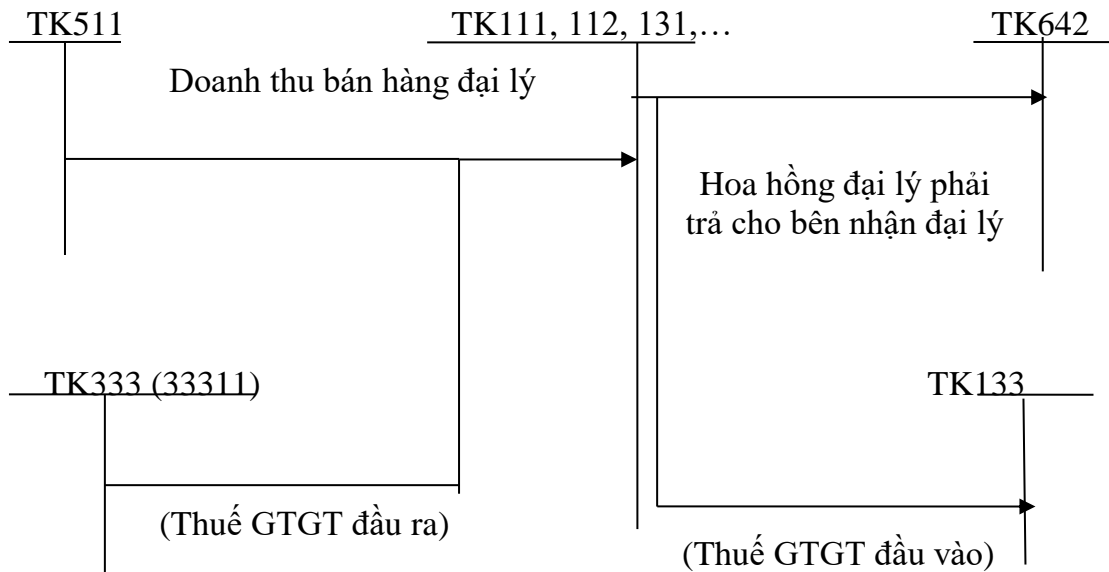
Tài khoản 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, có 4 tài khoản cấp 2:

- Tài khoản 5111 - Doanh thu bán hàng hóa
- Tài khoản 5112 - Doanh thu bán thành phẩm
- Tài khoản 5113 - Doanh thu cung cấp dịch vụ
- Tài khoản 5118 - Doanh thu khác

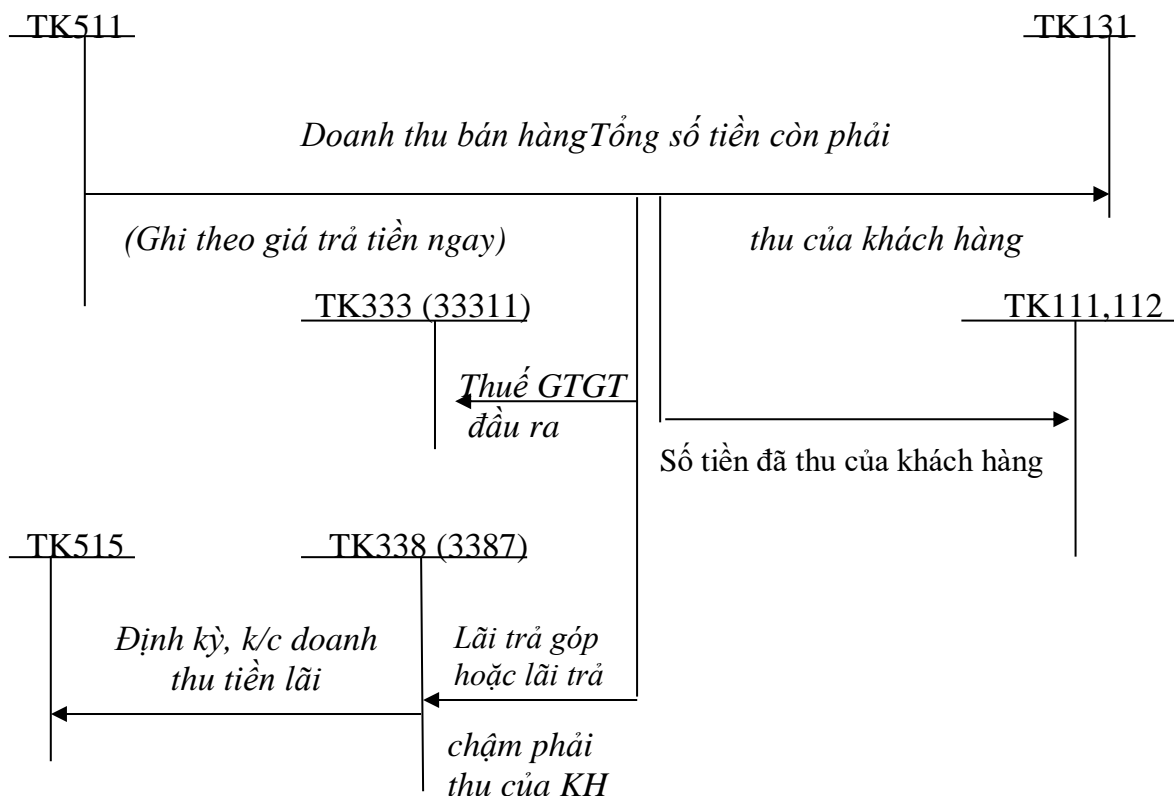
❖ Phương pháp hạch toán doanh thu theo các phương thức tiêu thụ



Sơ đồ 1.1: Sơ đồ trình tự hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo phương thức bán trực tiếp



Sơ đồ 1.2: Hạch toán doanh thu bán hàng thông qua đại lý.
(Theo phương pháp bán đúng giá hưởng hoa hồng).



Sơ đồ 1.3: Hạch toán doanh thu bán hàng theo phương thức trả chậm trả góp.

1.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán:

Giá vốn hàng bán được xác định bao gồm giá trị thực tế xuất kho của hàng hóa đem bán cộng cả chi phí thu mua phân bổ cho hàng bán ra.

❖ Các phương pháp xác định giá vốn hàng xuất kho.

Để đưa ra giá bán hàng hóa hợp lý, doanh nghiệp phải xác định được giá vốn hàng bán để làm căn cứ ghi sổ, cuối kỳ xác định hiệu quả của hoạt động sản xuất kinh doanh. Trong thực tế, do giá cả của hàng hoá mua vào luôn biến động do đơn giá của hàng hóa mỗi lần nhập kho là khác nhau điều này đòi hỏi kế toán phải có một phương pháp xác định để xác định trị giá hàng hóa xuất kho trên cơ sở các đơn giá nhập kho tương ứng.

Trị giá hàng xuất kho được tính như sau:

$$\text{Trị giá hàng xuất kho} = \text{Đơn giá hàng xuất kho} \times \text{Số lượng hàng xuất kho}$$

Hiện nay, có nhiều cách tính trị giá vốn hàng bán khác nhau, tùy thuộc vào đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của mỗi doanh nghiệp mà lựa chọn phương pháp nào cho phù hợp. Có 4 phương pháp thường được sử dụng:

- Phương pháp bình quân gia quyền:

+) *Phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ.*

Theo phương pháp này giá trị của từng loại hàng tồn kho được tính theo giá trị trung bình của từng loại hàng tồn kho đầu kỳ và giá trị từng loại hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất trong kỳ. Phương pháp bình quân có thể được tính theo thời kỳ hoặc vào mỗi khi nhập một lô hàng, phụ thuộc vào tình hình của doanh nghiệp.

$$\text{Đơn giá xuất kho} = \frac{\text{Trị giá SP, HH tồn đầu kỳ} + \text{Trị giá SP, HH nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng SP, HH tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng SP, HH nhập trong kỳ}}$$

+) *Phương pháp bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập (Bình quân liên hoàn).*

Sau mỗi lần nhập sản phẩm, vật tư, hàng hoá, kế toán phải xác định lại giá trị thực của hàng tồn kho và giá đơn vị bình quân. Giá đơn vị bình quân được tính theo công thức sau:

$$\text{Đơn giá xuất kho} = \frac{\text{Trị giá sản phẩm, hàng hóa tồn sau mỗi lần nhập}}{\text{Số lượng, hàng hóa thực tế tồn kho sau mỗi lần nhập}}$$

- Phương pháp Nhập trước – Xuất trước (FIFO)

Phương pháp này áp dụng dựa trên giả định là hàng được mua trước hoặc sản xuất trước thì được xuất trước và hàng còn lại cuối kỳ là hàng được mua

hoặc sản xuất ở thời điểm cuối kỳ. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập kho ở thời điểm đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ, giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho ở thời điểm cuối kỳ hoặc gần cuối kỳ còn tồn kho.

- Phương pháp thực tế đích danh:

Theo phương pháp này sản phẩm, vật tư, hàng hoá xuất kho thuộc lô hàng nhập nào thì lấy đơn giá nhập kho của lô hàng đó để tính. Đây là phương án tốt nhất, nó tuân thủ nguyên tắc phù hợp của kế toán, chi phí thực tế phù hợp với doanh thu thực tế. Giá trị của hàng xuất kho đem bán phù hợp với doanh thu mà nó tạo ra. Hơn nữa, giá trị hàng tồn kho được phản ánh đúng theo giá trị thực tế của nó.

- Phương pháp đơn giá bán lẻ:

Giá gốc hàng tồn kho được xác định bằng cách lấy giá bán của hàng tồn kho trừ đi lợi nhuận biên theo tỷ lệ phần trăm hợp lý. Tỷ lệ được sử dụng có tính đến các mặt hàng đó bị hạ giá xuống thấp hơn giá bán ban đầu của nó. Thông thường mỗi bộ phận bán lẻ sẽ sử dụng một tỷ lệ phần trăm bình quân riêng. Phương pháp này giúp cho việc tính giá hàng hoá được dễ dàng trong trường hợp có nhiều mặt hàng hoặc nhiều chủng loại hàng hoá khác nhau mà các doanh nghiệp không thể xác định ngay được giá vốn của hàng hoá. Phương pháp giá bán lẻ áp dụng trong ngành bán lẻ để tính giá trị hàng tồn kho với số lượng lớn các mặt hàng thay đổi nhanh chóng và có lợi nhuận biên tương tự mà không thể sử dụng các phương pháp tính giá gốc khác như các đơn vị kinh doanh siêu thị.

❖ Chứng từ kế toán sử dụng:

- + Phiếu xuất kho;
- + Phiếu xuất kho kiêm bán nội bộ;
- + Các chứng từ khác có liên quan.

❖ Tài khoản sử dụng:

- **TK 632 – “ Giá vốn hàng bán”:** Giá vốn hàng bán là giá thực tế xuất kho của sản phẩm hoặc là giá thành thực tế lao vụ, dịch vụ hoàn thành và đã được xác định và các khoản khác được tính vào giá vốn để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

✓ **Kết cấu TK 632:**

Bên Nợ:

- + Trị giá vốn của hàng hoá, lao vụ, dịch vụ đã xuất bán theo hóa đơn;
- + Phản ánh chi phí Nguyên vật liệu; chi phí nhân công vượt trên mức bình thường và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ không được tính vào trị giá hàng tồn kho và phải tính vào giá vốn hàng bán của kỳ kế toán;
- + Phản ánh khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra;
- + Phản ánh khoản chênh lệch dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính;
- + Phản ánh chi phí tự xây dựng, tự chế TSCĐ vượt lên mức bình thường không được tính vào nguyên giá TSCĐ hữu hình tự xây dựng, tự chế hoàn thành.

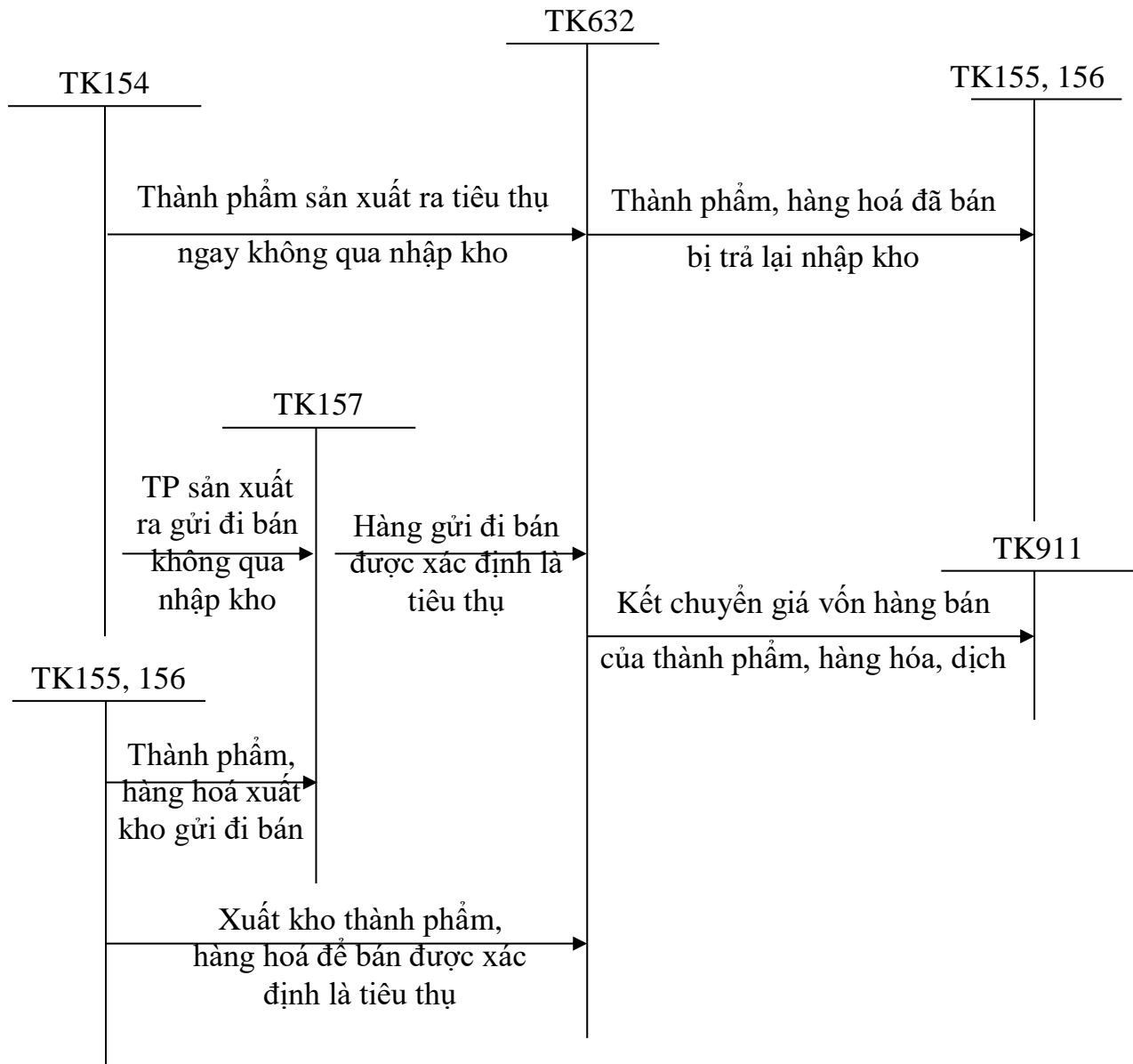
Bên Có:

- + Kết chuyển giá vốn của hàng hoá đã gửi bán nhưng chưa được xác định là tiêu thụ;
- + Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập năm trước);
- + Kết chuyển giá vốn của hàng hoá đã xuất bán vào bên Nợ Tài khoản

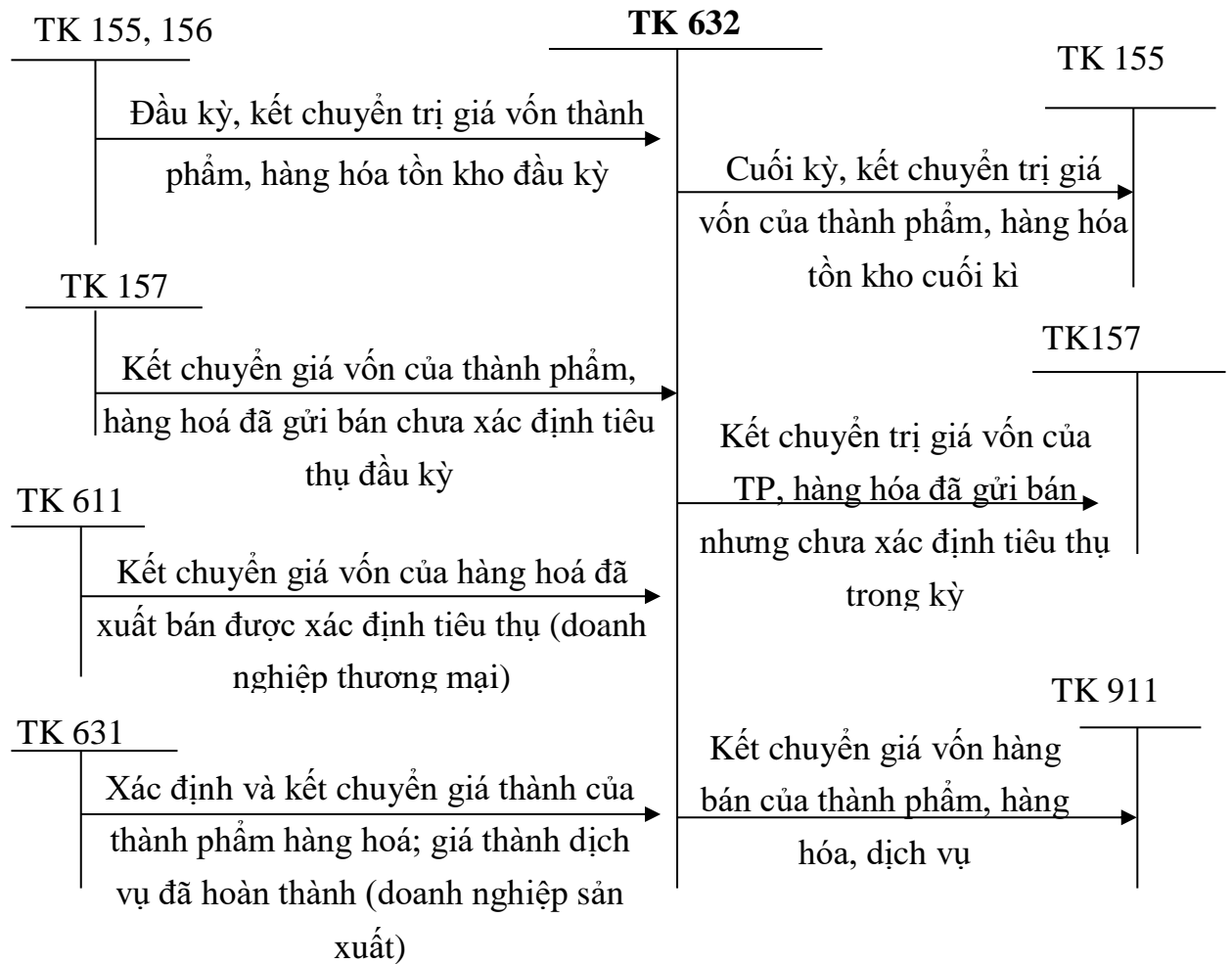
911

Tài khoản 632 không có số dư cuối kỳ.

❖ Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.4: Sơ đồ trình tự hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên



Sơ đồ 1.5: Sơ đồ trình tự hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ

12.3. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh trong doanh nghiệp nhỏ và vừa.**❖ Chứng từ kế toán sử dụng:**

- + Bảng phân bổ tiền lương;
- + Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ;
- + Hóa đơn GTGT;
- + Phiếu chi...

❖ Tài khoản sử dụng:**Bên Nợ:**

- Các chi phí quản lý kinh doanh phát sinh trong kỳ;
- Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này lớn hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết);

Bên Có:

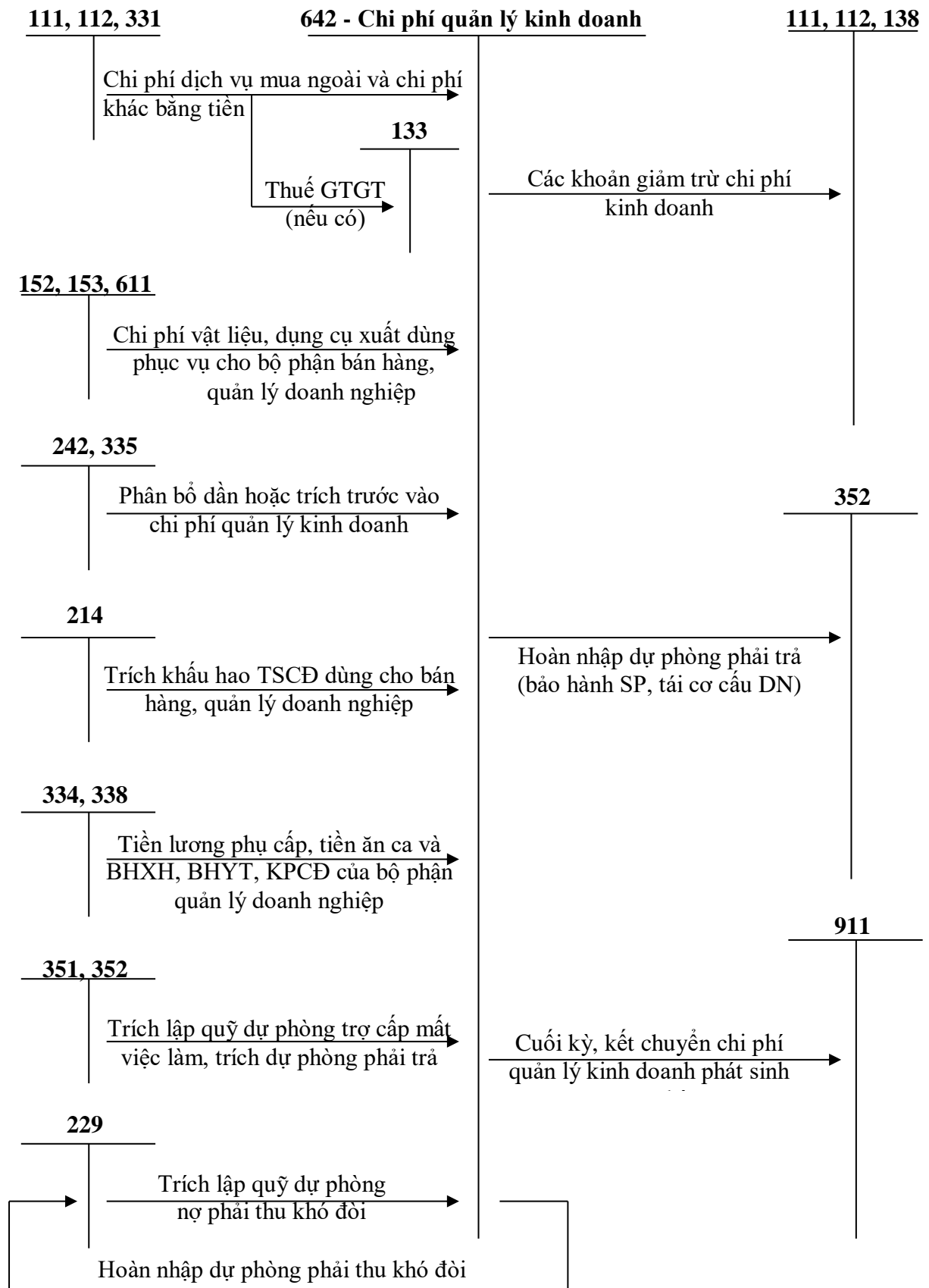
- Các khoản được ghi giảm chi phí quản lý kinh doanh;
- Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết);
- Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh vào tài khoản 911 "Xác định kết quả kinh doanh".

Tài khoản 642 không có số dư cuối kỳ.***Tài khoản 642 - Chi phí quản lý kinh doanh có 2 tài khoản cấp 2:***

- *Tài khoản 6421 - Chi phí bán hàng:* Phản ánh chi phí bán hàng thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ trong kỳ của doanh nghiệp và tình hình kết chuyển chi phí bán hàng sang TK 911- Xác định kết quả kinh doanh.

- *Tài khoản 6422 - Chi phí quản lý doanh nghiệp:* Phản ánh chi phí quản lý chung của doanh nghiệp phát sinh trong kỳ và tình hình kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp sang TK 911 - Xác định kết quả kinh doanh.

❖ Phương pháp hạch toán chi phí quản lý kinh doanh



Sơ đồ 1.6: Sơ đồ trình tự hạch toán chi phí quản lý kinh doanh.

1.2.4. Nội dung kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính

1.2.4.1 Nội dung kế toán doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính là các khoản lợi ích kinh tế phát sinh liên quan đến hoạt động về vốn là đầu tư tài chính.

❖ **Chứng từ sử dụng:**

- + Giấy báo lãi, giấy báo Có của Ngân hàng;
- + Bản sao kê của Ngân hàng;
- + Phiếu kế toán;
- + Phiếu thu và các chứng từ khác có liên quan.

❖ **Tài khoản sử dụng:**

Bên Nợ:

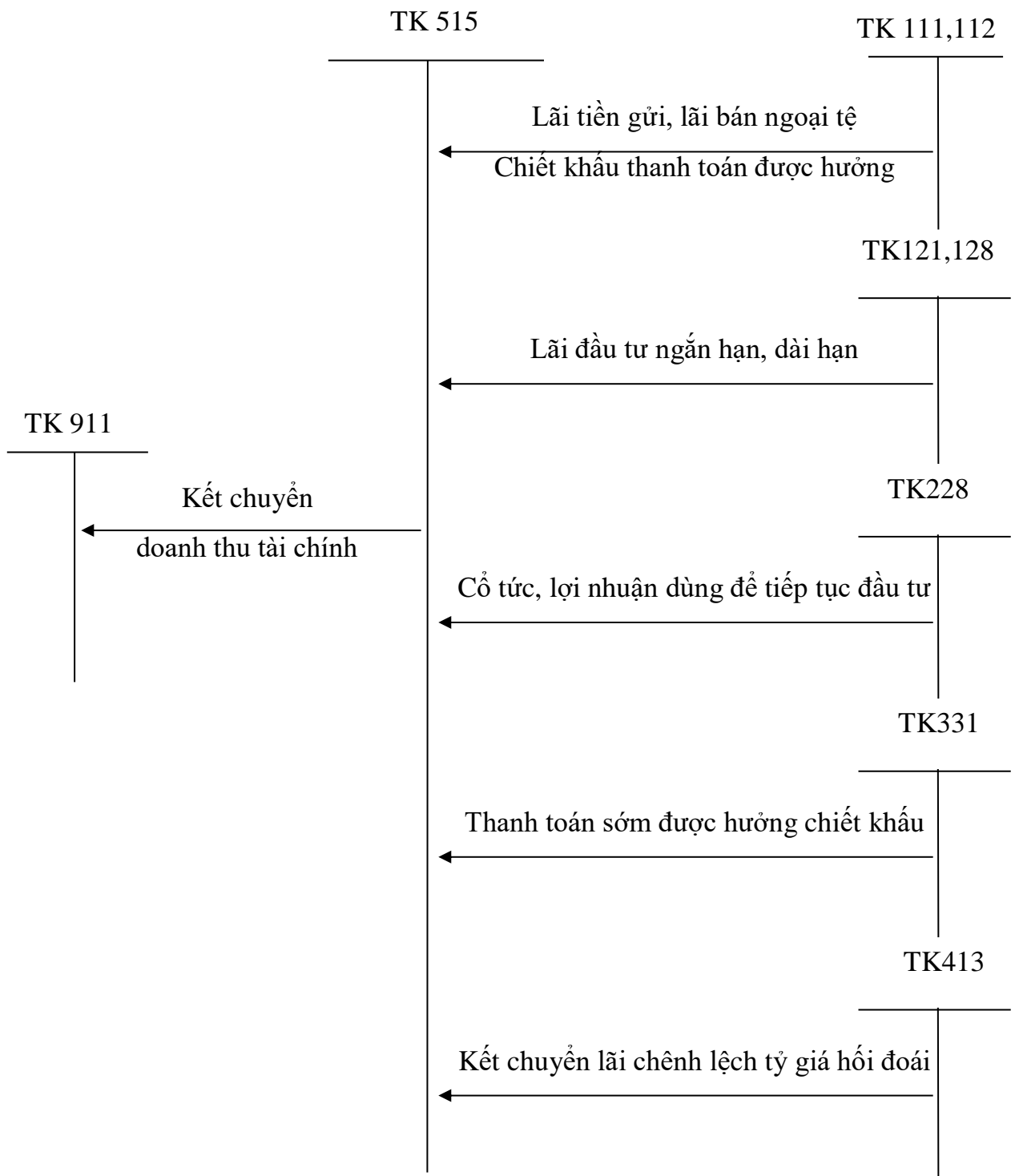
- Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có);
- Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang Tài khoản 911

Bên Có:

- Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia;
- Lãi do nhượng bán các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết;
- Chiết khấu thanh toán được hưởng;
- Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh;
- Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh khi bán ngoại tệ;
- Lãi tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh;
- Kết chuyển hoặc phân bổ lãi tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư XDCB (giai đoạn trước hoạt động) đã hoàn thành đầu tư vào doanh thu hoạt động tài chính;
- Doanh thu hoạt động tài chính khác phát sinh trong kỳ.

Tài khoản 515 không có số dư cuối kỳ.

❖ Phương pháp hạch toán:



Sơ đồ 1.7: Sơ đồ trình tự hạch toán doanh thu hoạt động tài chính

1.2.4.2. Kế toán chi phí hoạt động tài chính.

Chi phí hoạt động tài chính là các khoản chi phí phát sinh liên quan đến hoạt động về vốn và đầu tư tài chính.

❖ **Chứng từ sử dụng:**

- + Giấy báo Nợ của Ngân hàng;
- + Hóa đơn GTGT;
- + Phiếu kế toán;
- + Phiếu chi và các chứng từ khác có liên quan.

❖ **Tài khoản sử dụng:** TK 635 – “ Chi phí hoạt động tài chính”

Kết cấu tài khoản:

Bên Nợ:

Chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính;
Chiết khấu thanh toán cho người mua;
Các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư;
Lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh (Lỗ tỷ giá hối đoái đã thực hiện); Lỗ bán ngoại tệ;
Lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh (Lỗ tỷ giá hối đoái chưa thực hiện);
Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay lớn hơn số dự phòng đã trích lập năm trước chưa sử dụng hết);
Các khoản chi phí của hoạt động đầu tư tài chính khác.

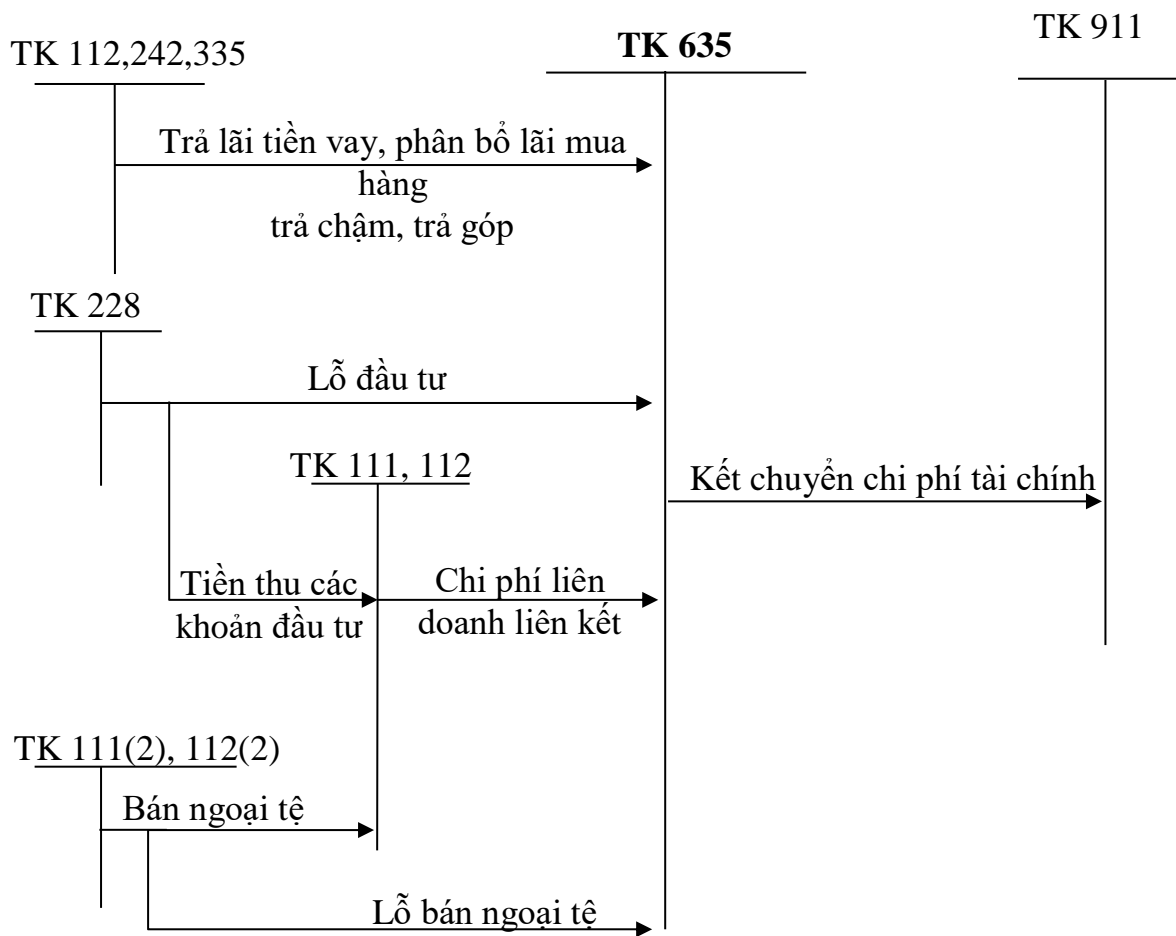
Bên Có:

Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã trích lập năm trước chưa sử dụng hết);

Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài khoản 635 không có số dư cuối kỳ.

❖ Phương pháp hạch toán:



Sơ đồ 1.8: Sơ đồ trình tự hạch toán chi phí tài chính

1.2.5. Nội dung kế toán thu nhập, chi phí hoạt động khác trong doanh nghiệp.**1.2.5.1. Kế toán thu nhập hoạt động khác.**

Thu nhập hoạt động khác: Là các khoản thu nhập không phải là doanh thu của doanh nghiệp, đây là khoản thu nhập được tạo ra từ hoạt động khác ngoài hoạt động kinh doanh thông thường của doanh nghiệp.

❖ Chứng từ sử dụng:

- + Hóa đơn GTGT;
- + Phiếu thu, Phiếu chi;
- + Giấy báo Có của Ngân hàng; ...
- + Các chứng từ liên quan: Biên bản thanh lý tài sản cố định; ...

❖ Tài khoản sử dụng:

- ✓ TK 711 – “Thu nhập khác”
- ✓ Kết cấu của TK 711:

Bên Nợ:

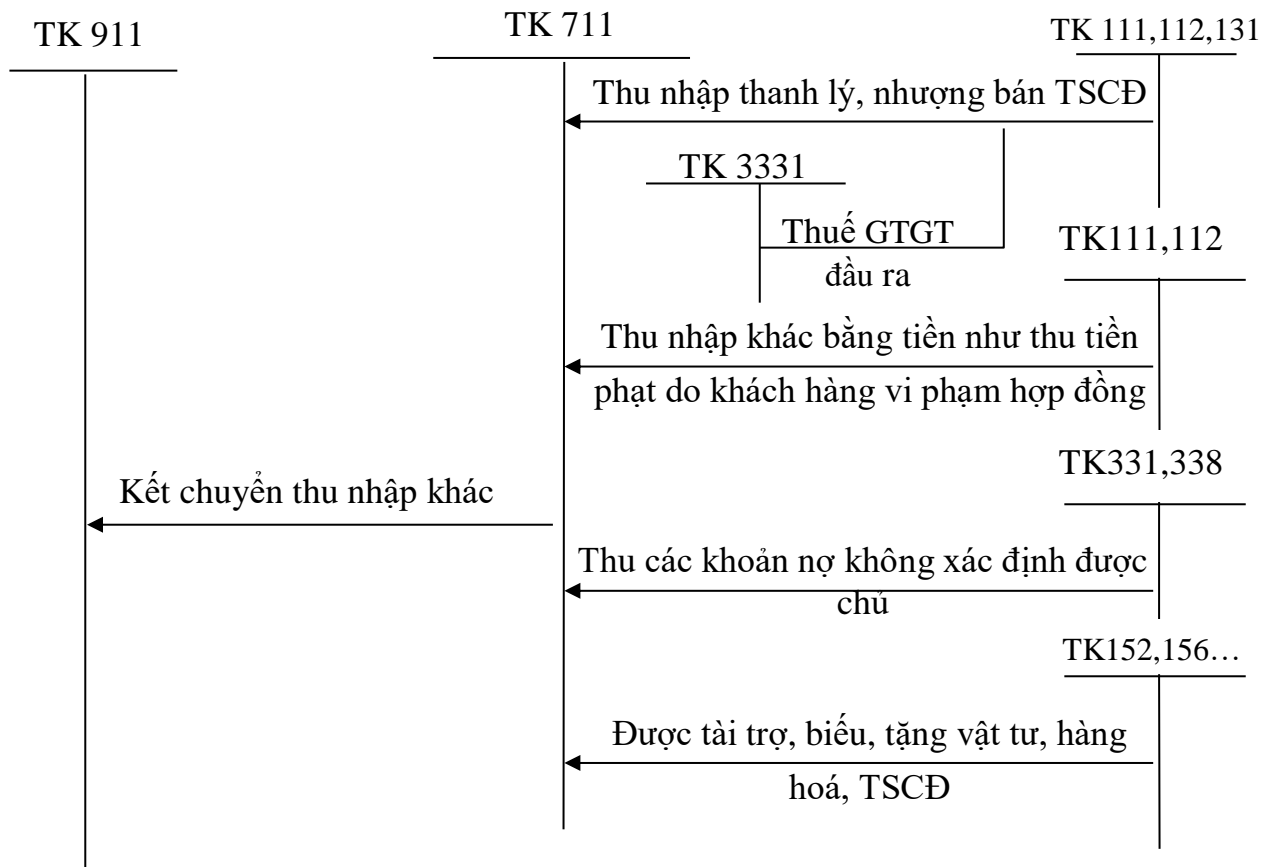
Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp.

Cuối kỳ kế toán, kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang Tài khoản 911 – “Xác định kết quả kinh doanh”.

Bên Có: Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ.

Tài khoản 711 không có số dư cuối kỳ.

❖ Phương pháp hạch toán:



Sơ đồ 1.9: Sơ đồ trình tự hạch toán thu nhập hoạt động khác

1.2.5.2 Kế toán chi phí hoạt động khác.

Chi phí hoạt động khác: Là các khoản chi phí của các hoạt động ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh tạo ra doanh thu của doanh nghiệp. Đây là những khoản lỗ do các sự kiện hay các nghiệp vụ khác biệt với các hoạt động kinh doanh thông thường của doanh nghiệp.

❖ **Chứng từ sử dụng:**

- + Hóa đơn GTGT;
- + Phiếu chi; Ủy nhiệm chi;
- + Giấy báo Nợ của Ngân hàng;
- + Phiếu kế toán và các chứng từ khác có liên quan.

❖ **Tài khoản sử dụng:**

- ✓ *Kết cấu của TK 811*

Bên Nợ:

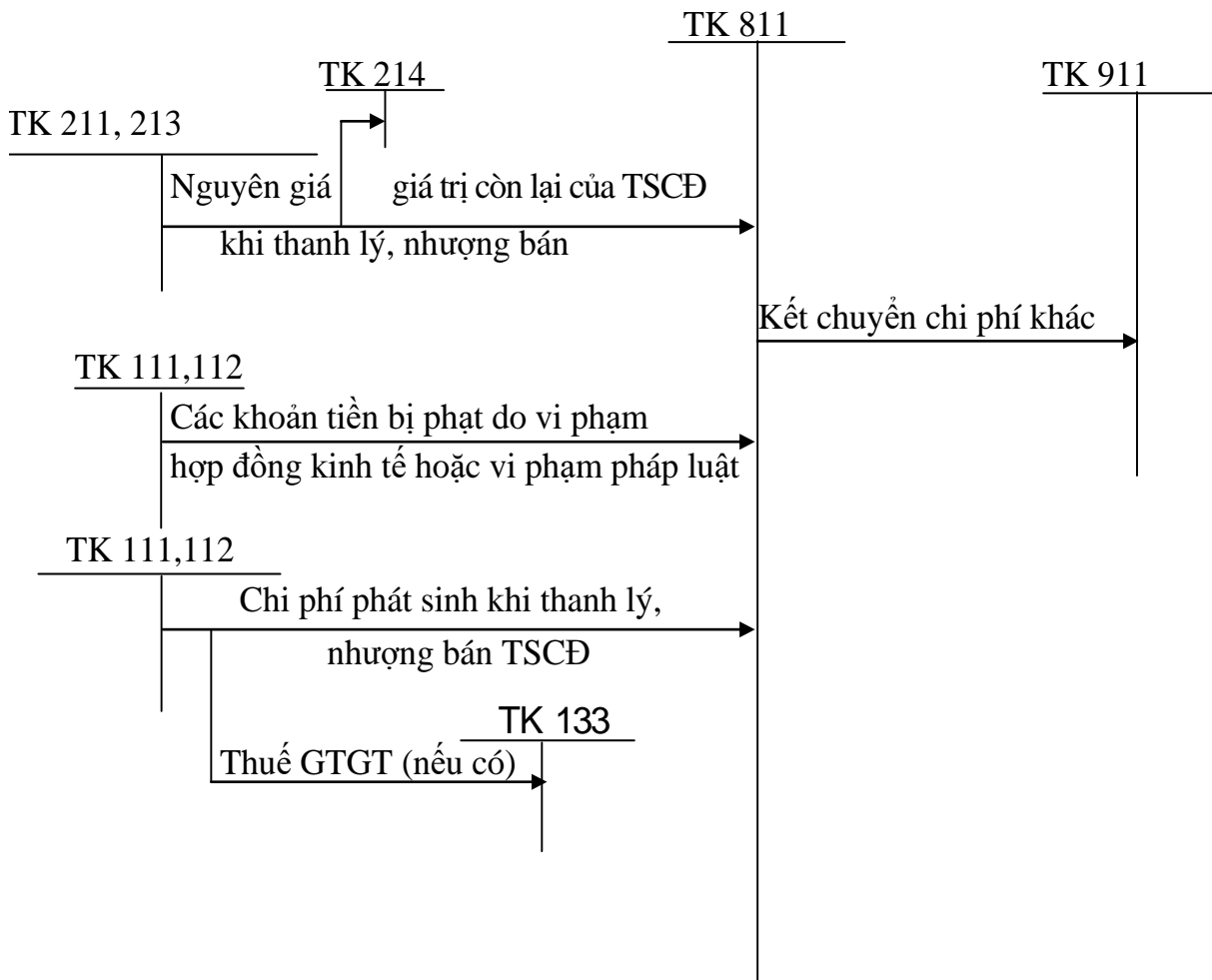
Tập hợp các khoản chi phí khác phát sinh.

Bên Có:

Cuối kỳ, kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ sang Tài khoản 911 – “Xác định kết quả kinh doanh”.

Tài khoản 811 không có số dư cuối kỳ.

❖ Phương pháp hạch toán:



Sơ đồ 1.10: Sơ đồ trình tự hạch toán chi phí hoạt động khác

1.2.6 Kế toán tổng hợp doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh toàn doanh nghiệp

❖ *Chứng từ sử dụng:*

- + Phiếu kế toán
- + Quyết định xử lý lỗ các năm trước
- + Các chứng từ khác có liên quan

❖ *Tài khoản sử dụng*

Tài khoản 821 – Chi phí thuế TNDN hiện hành

Tài khoản này dùng để phản ánh chi phí thuế TNDN hiện hành và chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định KQKD của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành

Kết cấu tài khoản 821:

Bên Nợ:

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp phát sinh trong năm;
- Thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi tăng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện tại.

Bên Có:

- Số thuế thu nhập doanh nghiệp thực tế phải nộp trong năm nhỏ hơn số thuế thu nhập doanh nghiệp tạm phải nộp được giảm trừ vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp đã ghi nhận trong năm;
- Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện tại;

Tài khoản 821 - “Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp” không có số dư cuối kỳ.

Tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh

Tài khoản này dùng để xác định và phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán

Kết cấu tài khoản:

Bên Nợ:

- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán;

- Chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và chi phí khác;

- Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp;
- Kết chuyển lãi.

Bên Có:

- Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ;

- Doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và khoản kết chuyển giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp;

- Kết chuyển lỗ.

Tài khoản 911 không có số dư cuối kỳ.

Tài khoản 421: Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

Tài khoản này dùng để phản ánh kết quả kinh doanh (lợi nhuận, lỗ) sau thuế TNDN và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của doanh nghiệp

Kết cấu tài khoản

Bên Nợ:

- Số lỗ về hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;
- Trích lập các quỹ của doanh nghiệp;
- Chia cổ tức, lợi nhuận cho các chủ sở hữu;
- Bổ sung vốn đầu tư của chủ sở hữu.

Bên Có:

- Số lợi nhuận thực tế hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong kỳ;
- Số lỗ của cấp dưới được cấp trên cấp bù;
- Xử lý các khoản lỗ về hoạt động kinh doanh.

Tài khoản 421 có thể có số dư Nợ hoặc số dư Có.

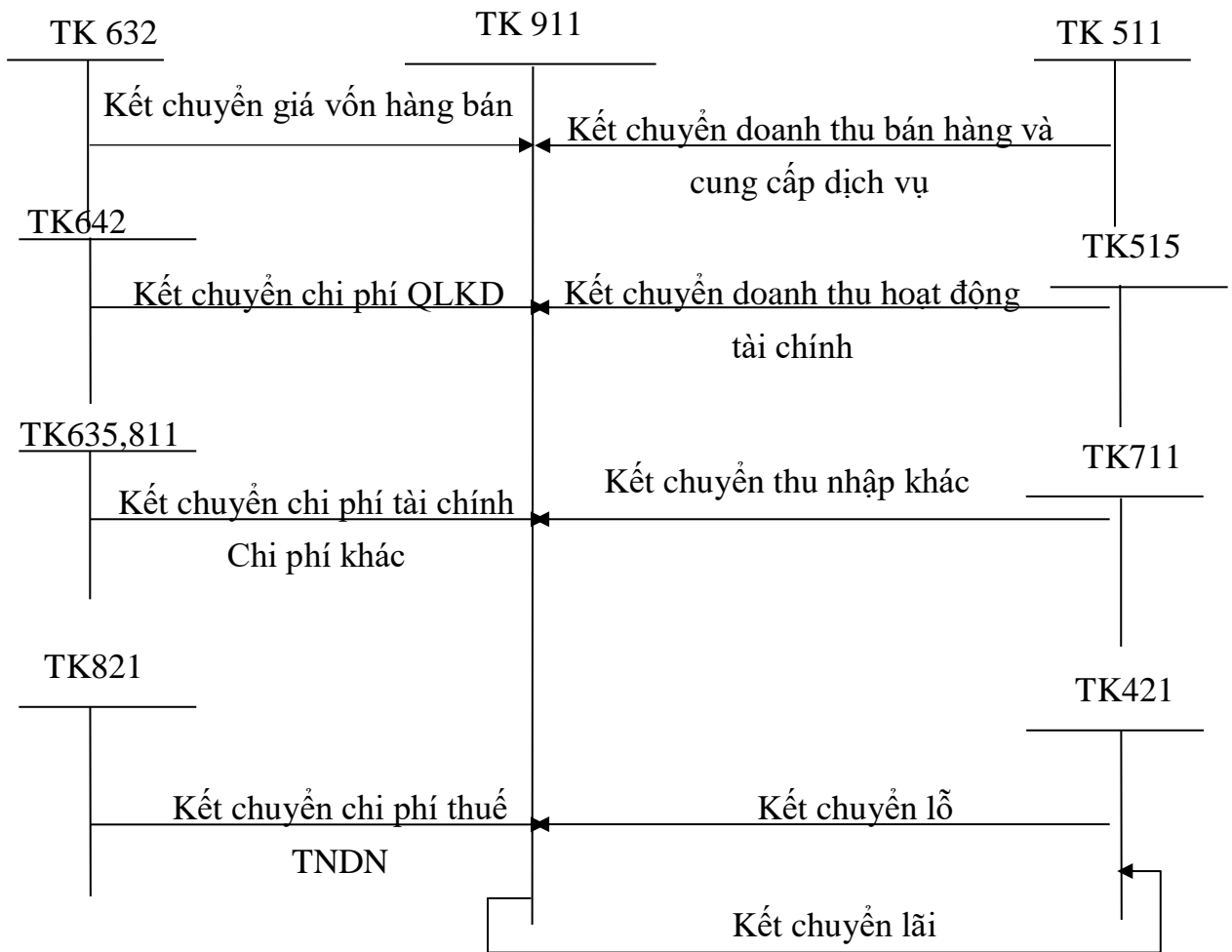
Số dư bên Nợ: Số lỗ hoạt động kinh doanh chưa xử lý.

Số dư bên Có: Số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối hoặc chưa sử dụng.

Tài khoản 421 - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối, có 2 tài khoản cấp 2:

- *Tài khoản 4211 - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm trước*
- *Tài khoản 4212 - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay*

❖ Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.11: Sơ đồ trình tự hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh toàn doanh nghiệp

1.3. Đặc điểm kế toán doanh thu, chi phí và kết quả hoạt động kinh doanh theo các hình thức kế toán trong doanh nghiệp nhỏ và vừa theo thông tư 133/TT-BTC

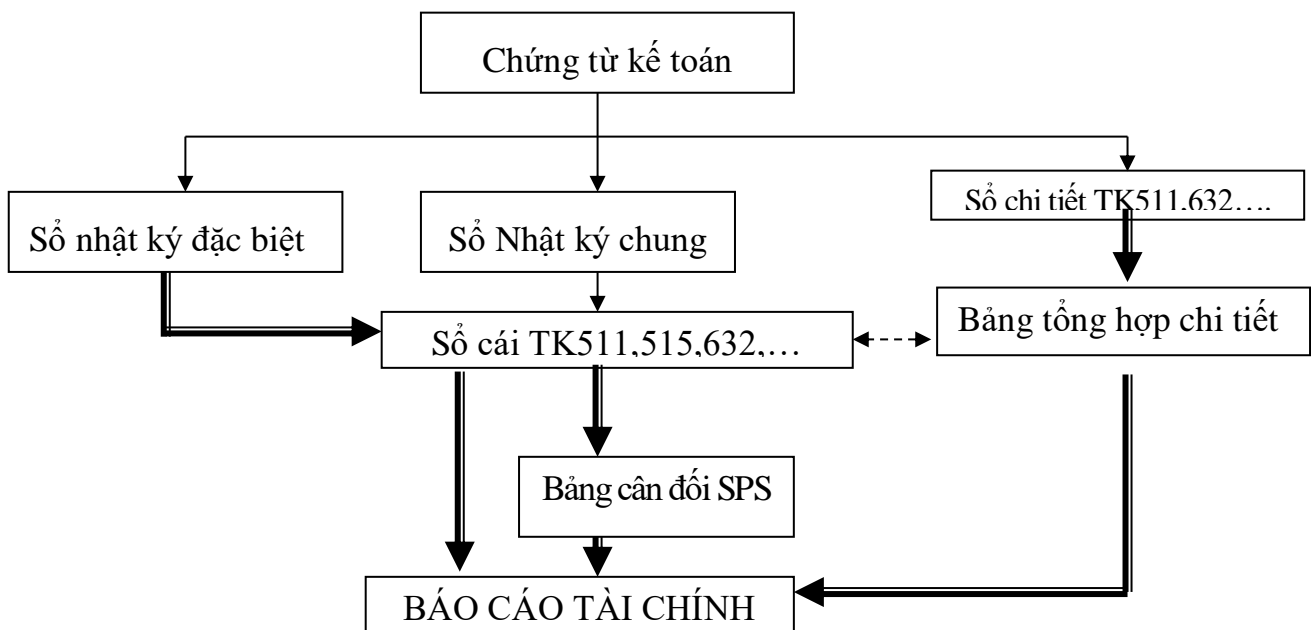
Theo chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo TT 133/2016 của Bộ tài chính, doanh nghiệp được phép tự xây dựng hệ thống sổ sách kế toán cho riêng mình. Trong trường hợp doanh nghiệp không tự xây dựng được thì có thể áp dụng hệ thống sổ sách theo một trong 4 hình thức kế toán sau:

- Hình thức kế toán Nhật ký chung
- Hình thức kế toán Nhật ký – sổ cái
- Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ
- Hình thức kế toán máy

1.3.1. Hình thức Nhật ký chung

Theo hình thức sổ này tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo trình tự thời gian được phản ánh vào sổ Nhật ký chung, sau đó số liệu từ Nhật ký chung sẽ được dùng để vào sổ cái. Ngoài Nhật ký chung để phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo thời gian người ta còn có thể mở thêm sổ nhật ký đặc biệt để phản ánh các đối tượng có số lượng nghiệp vụ phát sinh lớn, thường xuyên nhằm giảm bớt khối lượng

Hình thức kế toán Nhật ký chung gồm các loại sổ sách chủ yếu sau: Sổ Nhật ký chung, Sổ Nhật ký đặc biệt; Sổ Cái; Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.



- Ghi chú:**
- > Ghi hàng ngày
 - =====> Ghi hàng tuần, hàng tháng, hoặc định kỳ
 - ←-----> Đối chiếu

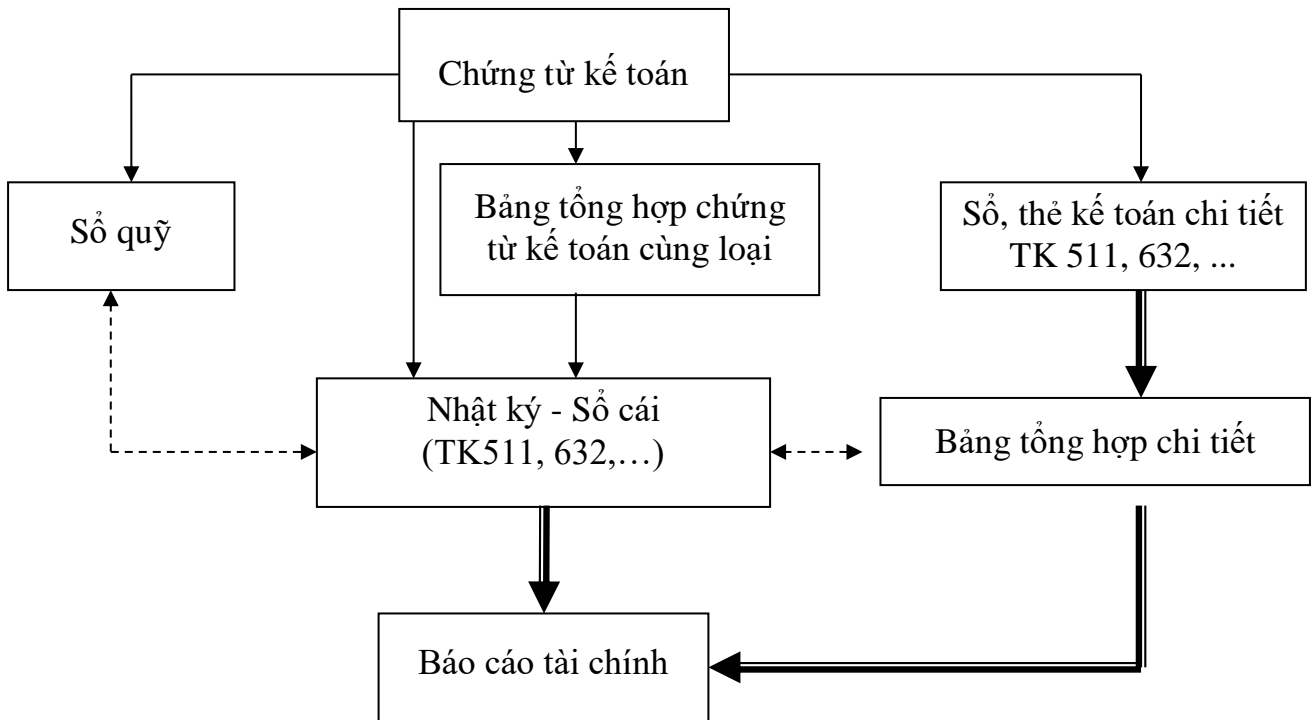
Sơ đồ 1.11 : Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán Nhật ký chung

1.3.2. Hình thức Nhật ký – Sổ cái

Theo hình thức sổ này thì toàn bộ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo thời gian được phản ánh trên cùng một vài trang sổ Nhật ký - Sổ cái. Đây là sổ tổng hợp duy nhất. Toàn bộ các nghiệp vụ tài khoản mà doanh nghiệp sử dụng sẽ được phản ánh trên Nhật ký - Sổ cái. Mỗi một chứng từ sẽ được phản ánh một

dòng trên Nhật ký - Sổ cái. Căn cứ để ghi vào sổ Nhật ký - Sổ cái là các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại.

Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái gồm các loại sổ sách chủ yếu sau: Nhật ký - Sổ Cái; Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.



Ghi chú:
 —————> Ghi hàng ngày
 ==> Ghi hàng tuần, hàng tháng, hoặc định kỳ
 <-.-.-.-> Đối chiếu

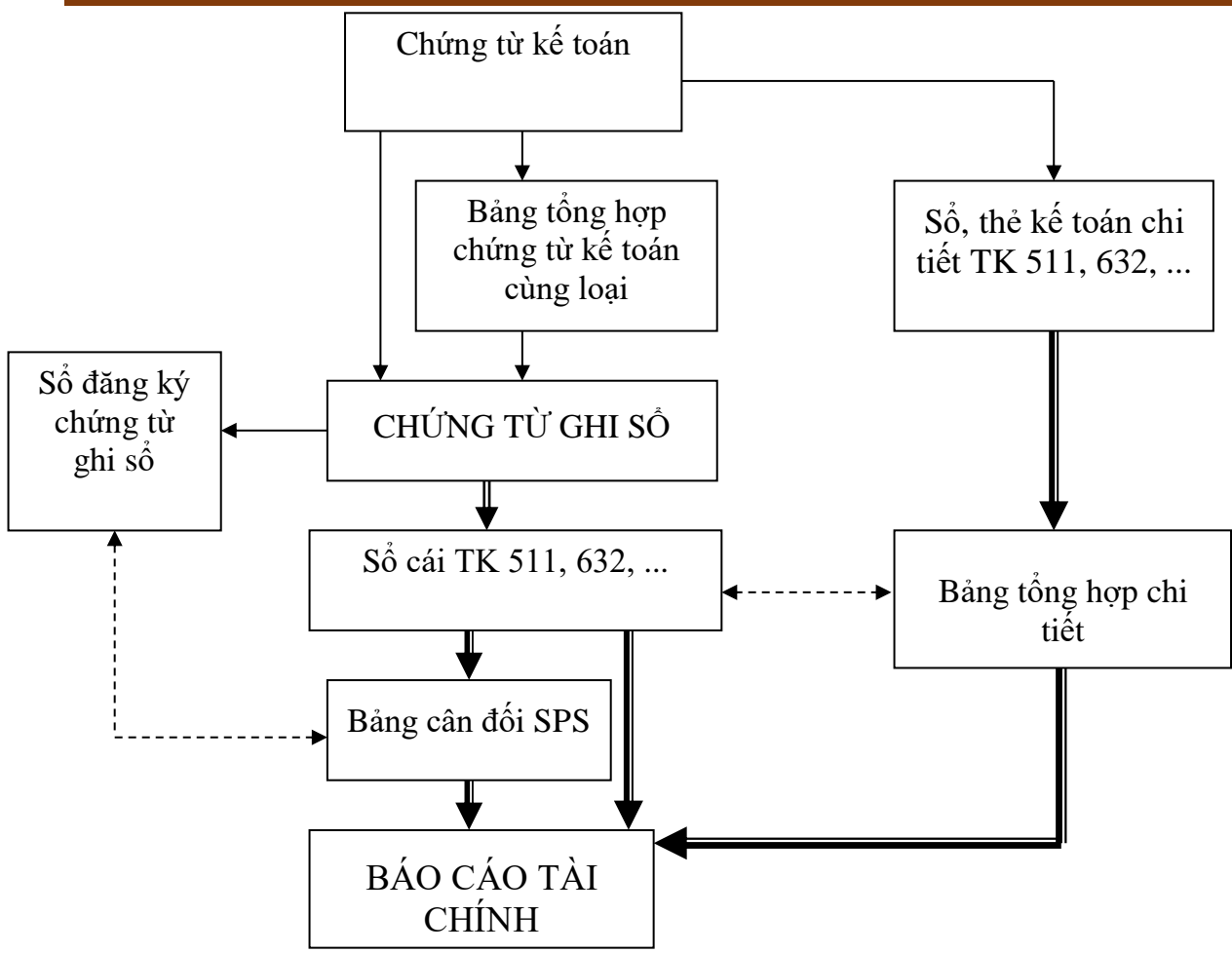
Sơ đồ 1.12: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán Nhật ký - Sổ cái

1.3.3. Hình thức Chứng từ ghi sổ

- Chứng từ ghi sổ do kế toán lập trên cơ sở từng chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại, có cùng nội dung kinh tế.

- Chứng từ ghi sổ được đánh số hiệu liên tục trong từng tháng hoặc cả năm (theo số thứ tự trong Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ) và có chứng từ kế toán đính kèm, phải được kế toán trưởng duyệt trước khi ghi sổ kế toán.

Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ gồm các loại sổ sách chủ yếu sau: Chứng từ ghi sổ; Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ; Sổ Cái; Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

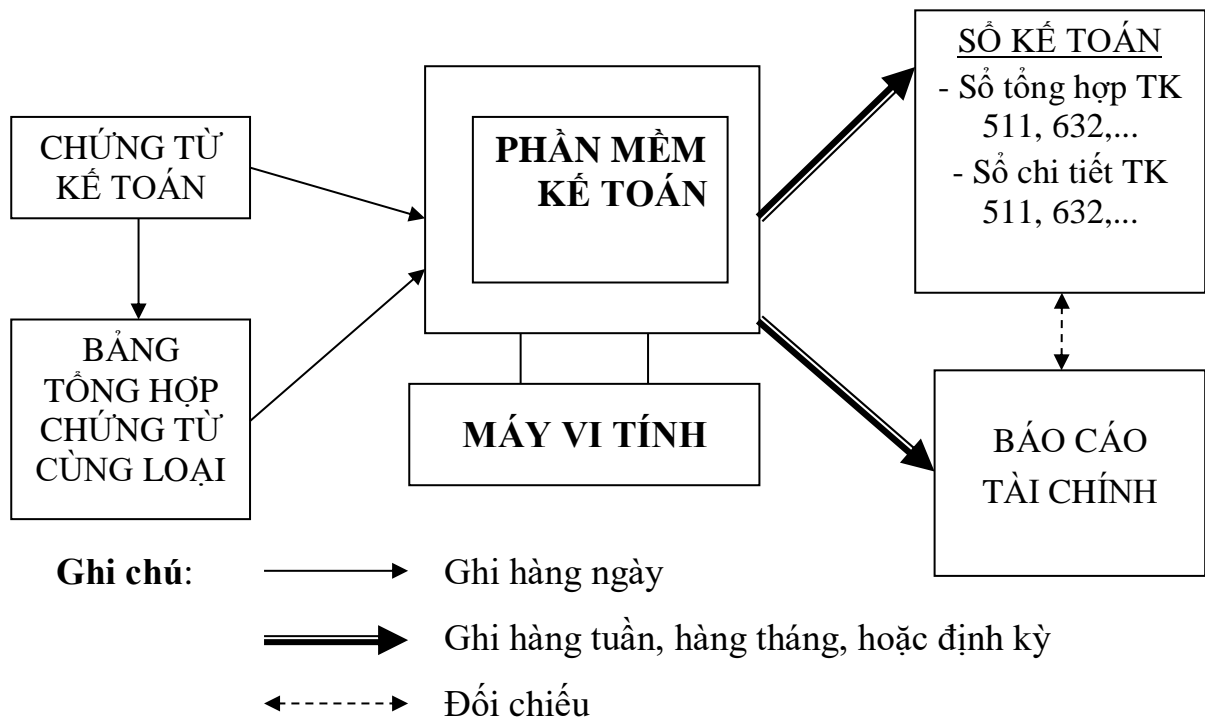


- Ghi chú:**
- > Ghi hàng ngày
 - > Ghi hàng tuần, hàng tháng, hoặc định kỳ
 - ←-----> Đối chiếu

Sơ đồ 1.13: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu - chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ

1.3.4. Hình thức kế toán trên máy vi tính

Đặc trưng cơ bản của Hình thức kế toán trên máy vi tính là công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên đây. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán, nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định.



Sơ đồ 1.14: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu - chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán máy

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI MỸ TÍN

2.1. Khái quát chung về Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín.

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín.

Tên gọi của công ty: Công ty TNHH sản xuất và thương mại Mỹ Tín

Tên quốc tế: MY TIN TRADING AND PRODUCTION COMPANY LIMITED

Địa chỉ: Tổ dân phố An Tràng , Thị trấn Trường Sơn, Huyện An Lão, Thành phố Hải Phòng

Đại diện bà: Phạm Thị Hương

Mã số thuế: 0201239163

Điện thoại: 02253.762.888

Fax: 02253.762.888

Công ty TNHH sản xuất và thương mại Mỹ Tín được thành lập ngày 24/06/2012. Với bề dày kinh nghiệm hơn 6 năm phát triển trong lĩnh vực sản xuất và thương mại cùng lực lượng cán bộ trình độ cao, công nhân kỹ thuật lành nghề đã luôn đảm bảo chất lượng và tiến độ các sản phẩm. Sản phẩm của công ty đã dần dần có được chỗ đứng trên thị trường. Công ty luôn nâng cao vai trò trách nhiệm của đội ngũ lãnh đạo, phát triển nguồn nhân lực, đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị, công nghệ để nâng cao sức cạnh tranh.

Những thuận lợi và khó khăn của công ty trong quá trình hoạt động:

Trong quá trình hoạt động công ty có nhiều thuận lợi nhưng cũng gặp không ít khó khăn

- Thuận lợi:

+ Đội ngũ nhân viên trẻ với đầy nhiệt huyết, có năng lực, có ý thức trách nhiệm, năng động, sáng tạo và luôn nỗ lực hết mình với công việc.

+ Văn phòng được trang bị đầy đủ các thiết bị cần thiết để phục vụ cho hoạt động kinh doanh của của công ty.

+ Môi trường làm việc chuyên nghiệp khi các phòng ban được phân công rõ ràng và nhất quán.

- Khó khăn:

Thị trường tiêu thụ bị cạnh tranh vì càng ngày càng có nhiều đối thủ không ngừng chiếm lĩnh lấy thị trường này.

Vốn của công ty cũng là một trong những rào cản trong quá trình hoạt động. Công ty luôn phải đi vay vốn để phục vụ cho hoạt động kinh doanh.

2.1.2. Đặc điểm sản xuất kinh doanh của Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín.

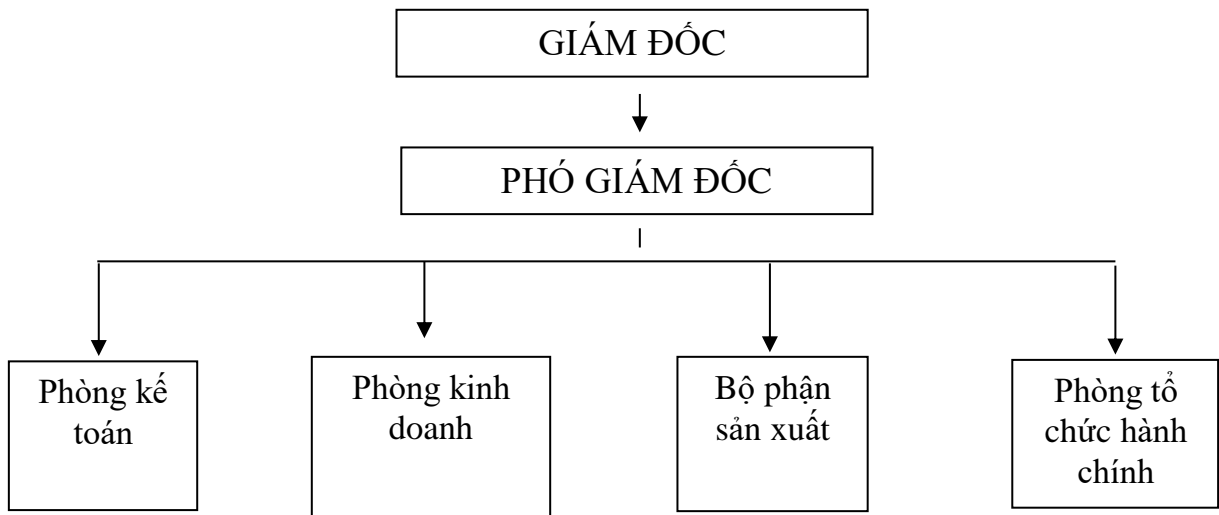
Công ty kinh doanh các lĩnh vực sau :

Mã ngành	Mô tả	Ngành chính
25920	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	N
2684	Buôn bán các sản phẩm kim loại	N
2220	Sản xuất sản phẩm từ plastic	Y
32900	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu	N
4535	Kinh doanh các sản phẩm Inox	N
3830	Tái chế phế liệu	N
4530	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	N
4535	Bán vật liệu xây dựng	N
4620	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa); và động vật sống	N
4641	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép	N
4649	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	N

Mã ngành	Mô tả	Ngành chính
4662	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	N
4669	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	N
4933	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	N
5229	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	N
82990	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu	N
15120	Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm	N
15200	Sản xuất giày dép	N
17010	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	N
1702	Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa	N
18110	In ấn	N
18120	Dịch vụ liên quan đến in	N
2013	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh	N

2.1.3. Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý tại Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín.

Đề phù hợp với quy mô của Công ty, Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín đã áp dụng hình thức tổ chức bộ máy quản lý theo hình thức trực tuyến chức năng. Bộ máy quản lý của Công ty được xây dựng và thực hiện theo chế độ một thủ trưởng. Các phòng ban chức năng và các phân xưởng sản xuất có trách nhiệm và quyền hạn trong phạm vi của mình. Sau đây là sơ đồ về bộ máy quản lý của Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín.



Sơ đồ 2.1: Bộ máy quản lý Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín

- Giám đốc:

Chịu trách nhiệm, quyền hạn cao nhất đối với kết quả hoạt động kinh doanh của công ty. Trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo hoạt động sản xuất kinh doanh, tổ chức bộ máy nhân sự kinh doanh. Là người chịu trách nhiệm trước Nhà nước và tập thể cán bộ công nhân viên của công ty.

- Phó Giám đốc:

Quản lý mọi vấn đề trong quá trình sản xuất kinh doanh theo chiến lược và kế hoạch của mình đề ra. Cùng giám đốc theo dõi quá trình sản xuất kinh doanh và thay mặt giám đốc giải quyết công việc khi giám đốc vắng mặt.

- Phòng Kế toán:

Quản lý công tác tài chính, theo dõi hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty dưới hình thức tiền tệ, mua sắm vật tư, thiết bị, tập hợp các chi phí sản xuất, tính giá thành sản phẩm, tình hình tiêu thụ sản phẩm, xác định kế hoạch sản xuất kinh doanh của công ty, báo cáo quyết toán tài chính. Kế toán phải tham mưu cho Ban Giám đốc về các chính sách tài chính – Kế toán của công ty, phân tích đánh giá tình hình quản lý tài chính, tổ chức thực hiện nhiệm vụ hướng dẫn kiểm tra đề xuất những biện pháp chỉ đạo thực hiện nghiệp vụ kế toán tài chính đảm bảo đúng pháp luật. Kiểm tra chất lượng, định lượng vật tư, hàng hóa trước khi nhập kho, kiểm kê vật tư, hàng hóa theo dõi thành phẩm, vật tư.

Quản lý danh mục vật tư, công cụ dụng cụ của công ty, quản lý toàn bộ số lượng giá trị nhập kho và tồn kho của vật tư, theo dõi vật tư mua sắm.

Kế toán chịu trách nhiệm tính lương và theo dõi các khoản thanh toán với cán bộ công nhân viên, theo dõi các nghiệp vụ liên quan đến thu, chi tiền...

Viết, lập, quản lý hóa đơn giá trị gia tăng đầu ra của công ty, theo dõi tất cả công nợ phải thu khách hàng, thu hồi công nợ, tập hợp chứng từ.

- Phòng Kinh doanh:

Khai thác khách hàng, tìm việc và kí kết hợp đồng kinh tế, phụ trách việc hoàn thiện các thủ tục thanh toán công nợ, cũng như các tài liệu công nợ, nghiệm thu phương án kinh doanh, bàn giao tài liệu...đồng thời phối hợp với phòng kế toán để xác định chính xác số công nợ của khách hàng, có kế hoạch thu nợ và khai thác khách hàng.

- Phòng Tổ chức – Hành chính:

Quản lý công ty trong lĩnh vực hành chính, nhân sự nhằm đáp ứng kịp thời và đúng nhất cho hoạt động của công ty trong việc đánh giá đúng năng lực cán bộ cả về số lượng và chất lượng từ đó có sự phân công lao động hợp lý và hiệu quả.

- Bộ phận sản xuất:

Thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh theo phân công

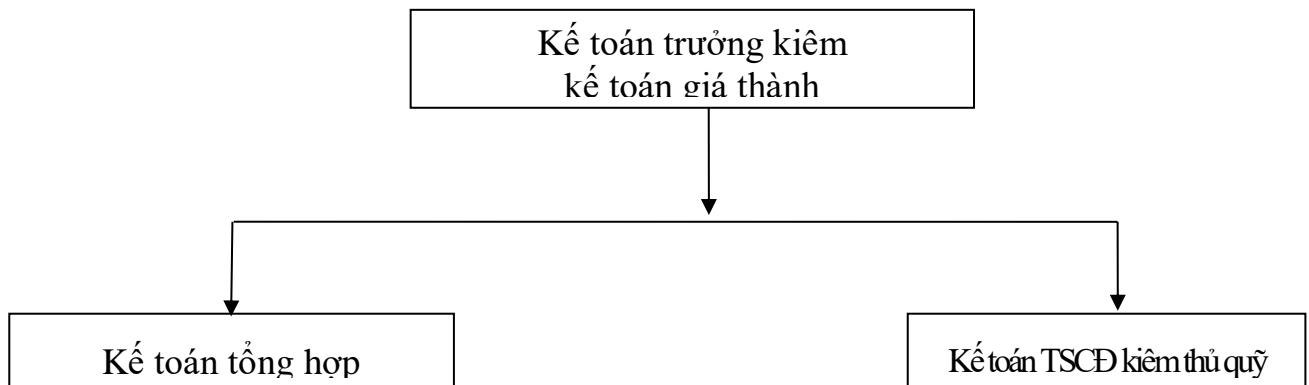
2.1.4. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán và chính sách kế toán áp dụng tại Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín

2.1.4.1. Tổ chức bộ máy kế toán

Giới thiệu chung về bộ máy kế toán:

Để tổ chức bộ máy kế toán gọn nhẹ, có hiệu quả đảm bảo cung cấp thông tin kịp thời, chính xác, Công ty đã lựa chọn hình thức tổ chức bộ máy kế toán tập trung. Hình thức này tạo điều kiện cho việc kiểm tra, chỉ đạo nghiệp vụ cụ thể và đảm bảo sự lãnh đạo tập trung thống nhất của kế toán trưởng cũng như sự chỉ đạo kịp thời của ban lãnh đạo Công ty đối với hoạt động kinh doanh nói chung và đối với công tác kế toán nói riêng .

Hiện nay phòng kế toán của Công ty có 3 người : Kế toán trưởng kiêm kế toán giá thành, kế toán tổng hợp, thủ quỹ. Sau đây là sơ đồ bộ máy kế toán của Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín.



Sơ đồ 2.2 : Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín

❖ **Kế toán trưởng kiêm kế toán giá thành:**

- Kế toán trưởng là người giúp Giám đốc công ty tổ chức chỉ đạo toàn bộ công tác hạch toán kế toán, nắm bắt thông tin kinh tế tài chính doanh nghiệp. Quản lý phân công cụ thể chức năng nhiệm vụ cho từng cán bộ công nhân viên trong phòng phù hợp với năng lực và trình độ chuyên môn của từng người.

- Chịu sự kiểm tra giám sát về mặt nghiệp vụ chuyên môn tài chính kế toán của cơ quan tài chính, cơ quan thuế và các cơ quan chức năng của Nhà nước. Kiểm soát toàn bộ các chứng từ sổ sách liên quan phát sinh đến tài chính của công ty. Tổ chức chỉ đạo thực hiện việc ghi chép hệ thống sổ sách chứng từ kế toán theo đúng quy định của Nhà nước.

- Chịu trách nhiệm tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm.

❖ **Kế toán tổng hợp :**

- Giúp kế toán trưởng kiểm soát cập nhật hạch toán các số liệu thông qua các chứng từ ghi chép ban đầu hợp pháp vào sổ sách kế toán có liên quan kịp thời phải đảm bảo độ chính xác để báo cáo với kế toán trưởng. Tăng cường công tác kiểm tra kiểm soát các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, phát hiện kịp thời những sai sót vi phạm về nguyên tắc, nghiệp vụ quản lý KTTC... Căn cứ vào chứng từ thanh toán đã được Giám đốc duyệt và kế toán trưởng kiểm soát, lập phiếu thu và phiếu chi theo quy định sau đó chuyển cho thủ quỹ thực hiện. Theo dõi doanh

thu, giá vốn hàng bán. Theo dõi công tác thuế, lập bảng kê khai thuế hàng tháng. Quản lý hoá đơn, viết hoá đơn bán hàng. Giúp kế toán trưởng hướng dẫn các phòng ban ghi chép các nội dung nghiệp vụ kinh tế phát sinh đảm bảo chính xác đúng mẫu biểu quy định.

- Thực hiện các nghiệp vụ thu tiền: thu tiền của thu ngân hàng ngày & thu khác. Theo dõi tiền gửi ngân hàng. Quản lý các chứng từ liên quan đến thu chi.

- Lập kế hoạch thanh toán với nhà cung cấp hàng tuần, hàng tháng. Chủ động liên hệ với nhà cung cấp trong trường hợp kế hoạch thanh toán không đảm bảo. Thực hiện nghiệp vụ thanh toán bằng tiền mặt hay tiền gửi cho nhà cung cấp: nhận hoá đơn, xem xét phiếu đề nghị thanh toán, lập phiếu chi...Thực hiện các nghiệp vụ chi nội bộ như lương, thanh toán mua hàng ngoài...Theo dõi nghiệp vụ tạm ứng.

- Kết hợp với thủ quỹ thực hiện nghiệp vụ thu chi theo quy định. Tiền mặt tồn quỹ phải được sắp xếp theo loại giấy bạc và được kiểm lại cuối ngày. Khóa Sổ và niêm kết trước khi ra về.

❖ Kế toán TSCĐ kiêm thủ quỹ:

+ Theo dõi tình hình tăng giảm tài sản cố định trong doanh nghiệp.
+ Tính toán và phân bổ chi phí khấu hao cho các đối tượng chịu chi phí.
+ Xây dựng kế hoạch sửa chữa tài sản cố định cũng như dự trù chi phí sửa chữa TSCĐ.

+ Tham gia công tác kiểm kê tài sản vào cuối năm tài chính theo yêu cầu.
+ Chịu trách nhiệm thu, chi theo chứng từ gốc dưới sự chỉ đạo của kế toán trưởng, đảm bảo việc thu, chi tiền mặt theo chứng từ gốc, tồn quỹ tiền mặt, kết hợp sổ sách kế toán.

2.1.4.2. Các chính sách và phương pháp kế toán áp dụng tại công ty.

- Công ty sử dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.
- Kỳ kế toán: Từ 1/1 đến 31/12 năm dương lịch.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng: Đồng Việt Nam.
- Phương pháp khấu hao TSCĐ: khấu hao đường thẳng.
- Phương pháp tính thuế GTGT: thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.
- Phương pháp tính giá xuất kho: Theo phương pháp Bình quân liên hoàn.

- Chế độ kế toán áp dụng: theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ Tài Chính.

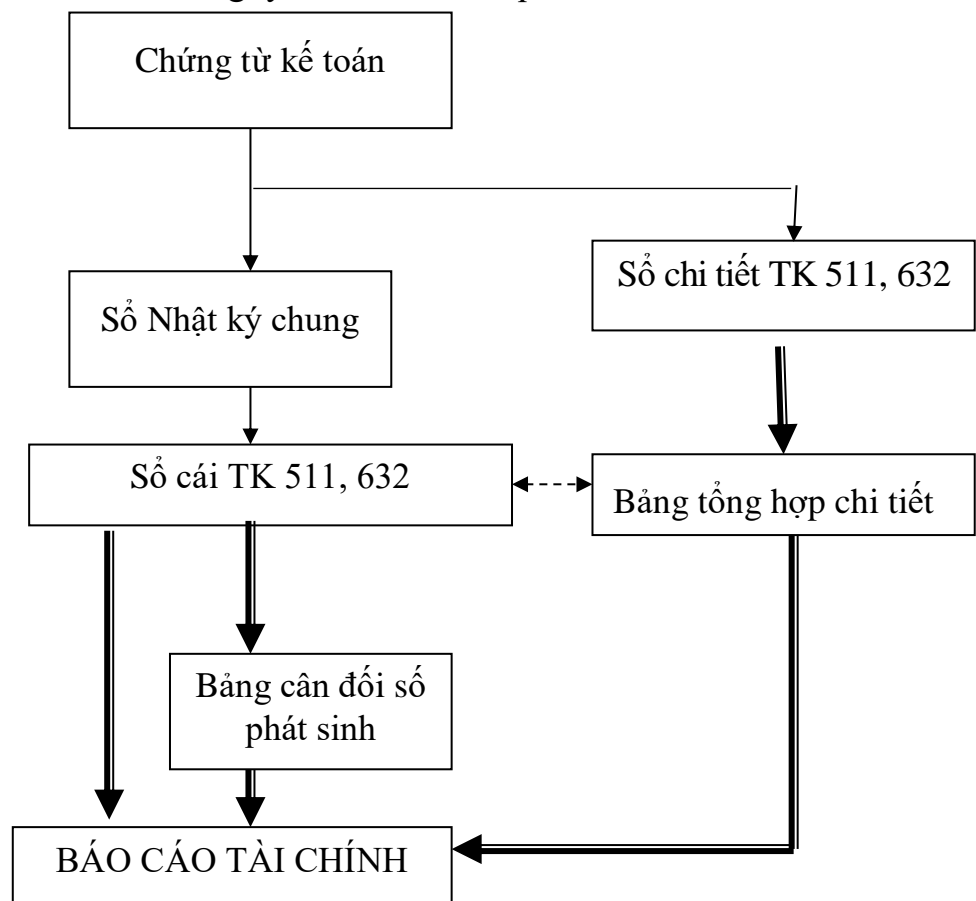
2.1.4.3. Tổ chức vận dụng hệ thống chứng từ và tài khoản kế toán

Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín tổ chức vận dụng hệ thống chứng từ và tài khoản kế toán ban hành theo Thông tư số 133/2016/QT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ trưởng Bộ tài chính.

2.1.4.4. Tổ chức vận dụng hình thức kế toán và hệ thống sổ sách kế toán

Công ty áp dụng hình thức sổ Nhật ký chung. Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký chung là tất cả các nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ nhật ký, mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và định khoản kế toán của nghiệp vụ đó, sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký để ghi sổ cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

Trình tự ghi sổ kế toán của Công ty được thể hiện qua sơ đồ sau:



- Ghi chú:**
- Ghi hàng ngày
 - ==> Ghi hàng tuần, hàng tháng, hoặc định kỳ
 - .-.-> Đối chiếu

Sơ đồ 2.3 Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung

Hàng ngày căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi các nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung sau đó căn cứ vào số liệu của sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ Cái theo các tài khoản kế toán phù hợp.

Cuối tháng, cuối quý, cuối năm, cộng số liệu trên sổ cái và lập bảng cân đối số phát sinh. Sau khi kiểm tra, đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên Sổ Cái và Bảng tổng hợp chi tiết được dùng để lập các báo cáo tài chính.

Về nguyên tắc, tổng số phát sinh Nợ và tổng số phát sinh Có trên bảng cân đối số phát sinh phải bằng tổng số phát sinh Nợ và tổng số phát sinh Có trên sổ Nhật ký chung cùng kỳ.

2.1.4.5. Tổ chức lập và phân tích báo cáo kế toán

❖ Tổ chức hệ thống báo cáo tài chính của doanh nghiệp bao gồm:

- Bảng cân đối tài khoản.
- Bảng cân đối kế toán - Mẫu B01a- DNN.
- Báo cáo kết quả kinh doanh - Mẫu B02 – DNN.
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ - Mẫu B03 – DNN
- Thuyết minh báo cáo tài chính - Mẫu B09 – DNN.

Ngoài ra công ty còn lập các báo cáo kế toán khác theo yêu cầu của nhà nước như báo cáo thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp... và theo yêu cầu quản trị của doanh nghiệp như: Báo cáo tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước...

2.2. Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí tại Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín

2.2.1. Thực trạng kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín

❖ Chứng từ sử dụng:

- + Hóa đơn GTGT
- + Chứng từ thanh toán: Phiếu thu, giấy báo có của ngân hàng,...
- + Các chứng từ liên quan khác: Hợp đồng mua bán,...

❖ Tài khoản sử dụng:

+ TK 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, TK 511 được mở chi tiết:

- TK 5111: - Doanh thu bán thành phẩm:

+ TK51111: Doanh thu từ gia công sản phẩm Inox

- TK5112 – Doanh thu bán hàng hóa. Trong đó chi tiết:

+ TK 51121 - doanh thu bán Inox thanh chữ V 304.

+ TK 51122 - doanh thu bán Inox tấm 304.

+ TK 51123 - doanh thu bán Inox cuộn 304.

+ TK 51124 - doanh thu bán Inox thanh hộp chữ nhật 304.

....

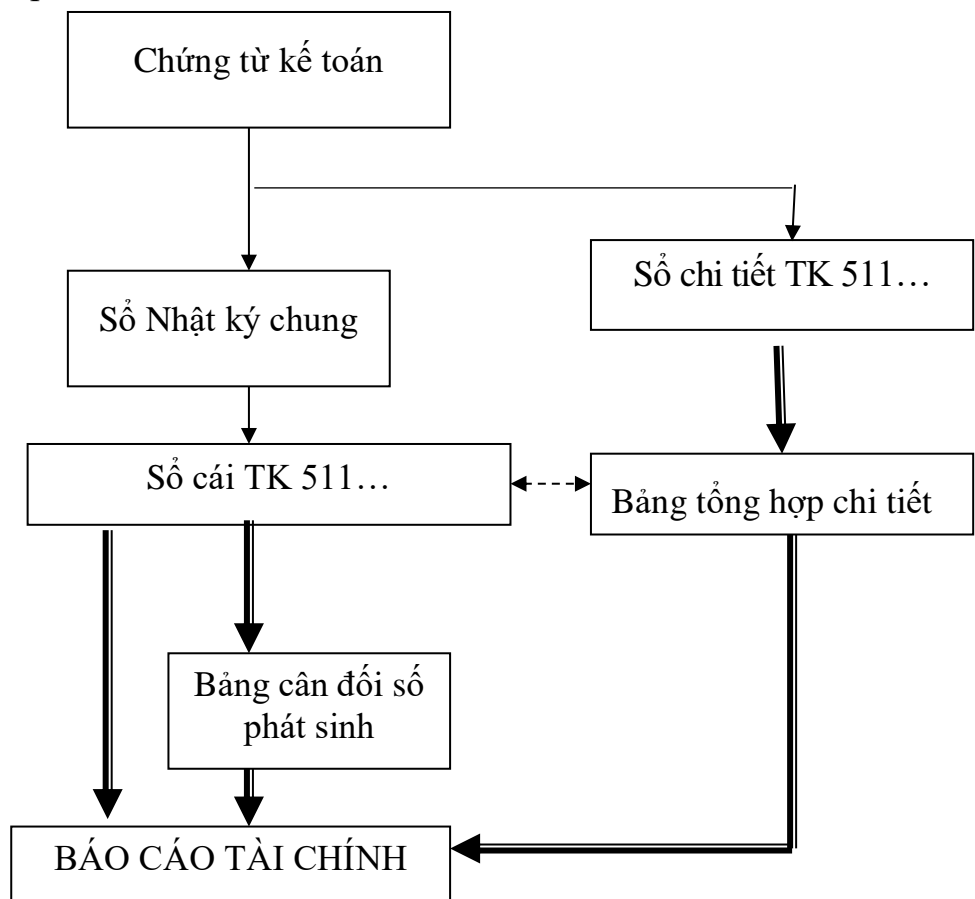
+ TK liên quan khác: TK 111, TK 112,...

❖ Sổ sách sử dụng:

+ Sổ Nhật ký chung

+ Sổ Cái TK 511

❖ Phương pháp hạch toán:



Ghi chú:	————→	Ghi hàng ngày
	====→	Ghi hàng tuần, hàng tháng, hoặc định kỳ
	←-----→	Đôi chiều

Sơ đồ 2.4. Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu tại Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín

Ví dụ 1: Ngày 03/10/2018, theo hóa đơn GTGT số 0000572 (biểu số 2.1) bán hàng cho Công ty Cổ phần Thanh Sang, tổng giá thanh toán có cả VAT 10% là: 169.229.500 đồng, chưa thu được tiền.

Ví dụ 2: Ngày 05/10/2018, theo hóa đơn GTGT số 0000579 (biểu số 2.2) bán hàng cho Công ty TNHH Đầu Tư và Phát triển Song Nhật, tổng giá thanh toán có cả VAT 10% là: 131.615.000 đồng, đã thanh toán bằng chuyển khoản.

Căn cứ vào hóa đơn số 0000572, 0000579 và các chứng từ có liên quan, kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung (biểu số 2.6). Từ sổ Nhật ký chung, kế toán ghi vào sổ cái TK 511 (biểu số 2.5)

Biểu số 2.1: Hóa đơn giá trị gia tăng

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG			Mẫu số: 01GTKT3/001																
Liên 3: Nội bộ			Ký hiệu: HM/18P																
Ngày 03 tháng 10 năm 2018			Số: 0000572																
Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín																			
Mã số thuế: 0201239163																			
Địa chỉ: Thị Trấn Trường Sơn, Huyện An Lão, Hải Phòng																			
Điện thoại: 0225 3856 361																			
Số tài khoản:																			
Họ tên người mua hàng:																			
Tên đơn vị: Công ty Cổ phần Thanh Sang																			
Mã số thuế: <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"><tr><td style="width: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; text-align: center;">2</td><td style="width: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; text-align: center;">8</td><td style="width: 20px; text-align: center;">6</td><td style="width: 20px; text-align: center;">1</td><td style="width: 20px; text-align: center;">2</td><td style="width: 20px; text-align: center;">6</td><td style="width: 20px; text-align: center;">5</td><td style="width: 20px; text-align: center;"> </td><td style="width: 20px; text-align: center;"> </td><td style="width: 20px; text-align: center;"> </td><td style="width: 20px; text-align: center;"> </td></tr></table>						0	2	0	0	8	6	1	2	6	5				
0	2	0	0	8	6	1	2	6	5										
Địa chỉ: số 96 Đà Nẵng, Q. Ngô Quyền, TP. Hải Phòng																			
Hình thức thanh toán: CK..... Số tài khoản:.....																			
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền														
1	2	3	4	5	6=5x4														
1	Inox thanh chữ V 304	kg	1.145	61.000	69.845.000														
2	Inox tấm 304	kg	1.050	80.000	84.000.000														
Cộng tiền hàng					153.845.000														
Thuế GTGT : 10%			Tiền thuế GTGT		15.384.500														
Tổng cộng tiền thanh toán					169.229.500														
Số tiền viết bằng chữ: Một trăm sáu mươi chín triệu, hai trăm hai mươi chín nghìn, năm trăm đồng chẵn .																			
Người mua hàng (ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)															
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)																			

(Nguồn: Phòng kế toán - Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín)

Biểu số 2.2: Hóa đơn giá trị gia tăng

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG			Mẫu số: 01GTKT3/001															
Liên 3: Nội bộ			Ký hiệu: HM/18P															
Ngày 05 tháng 10 năm 2018			Số: 0000579															
Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín																		
Mã số thuế: 0201239163																		
Địa chỉ: Thị Trấn Trường Sơn, Huyện An Lão, Hải Phòng																		
Điện thoại: 0225 3856 361																		
Số tài khoản:																		
Họ tên người mua hàng:																		
Tên đơn vị: Công ty TNHH Đầu Tư và Phát triển Song Nhật																		
Mã số thuế: <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"><tr><td style="width: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; text-align: center;">2</td><td style="width: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; text-align: center;">7</td><td style="width: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; text-align: center;">7</td><td style="width: 20px; text-align: center;">9</td><td style="width: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; text-align: center;">5</td><td style="width: 20px; text-align: center;"> </td><td style="width: 20px; text-align: center;"> </td><td style="width: 20px; text-align: center;"> </td></tr></table>						0	2	0	0	7	0	7	9	0	5			
0	2	0	0	7	0	7	9	0	5									
Địa chỉ: số 119 Nguyễn Văn Linh, Q. Lê Chân, TP. Hải Phòng																		
Hình thức thanh toán: CK..... Số tài khoản:.....																		
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền													
1	2	3	4	5	6=5x4													
1	Inox thanh chữ V 304	kg	1.000	61.000	61.000.000													
2	Inox cuộn 304	kg	850	69.000	58.650.000													
Cộng tiền hàng					119.650.000													
Thuế GTGT : 10%			Tiền thuế GTGT		11.965.000													
Tổng cộng tiền thanh toán					131.615.000													
Số tiền viết bằng chữ: Một trăm ba mươi một triệu, sáu trăm mười lăm ngàn đồng chẵn .																		
Người mua hàng (ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)														
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)																		

(Nguồn: Phòng kế toán - Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín)

Biểu số 2.3: Giấy báo có



Số: 622

Mã GDV: PHUDDTQTO

Mã KH: 594547

GIẤY BÁO CÓ

Ngày: 05/10/2018

Kính gửi: **Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín**

Mã số thuế: 0201239163

Hôm nay, chúng tôi xin báo đã ghi CÓ tài khoản của quý khách hàng với nội dung sau:

Số tài khoản ghi CÓ :0531 0088 387 1

Số tiền bằng số: 131.615.000.

Số tiền bằng chữ: *Một trăm ba mươi một triệu, sáu trăm mười lăm ngàn đồng chẵn./*

Nội dung: # Công ty TNHH Đầu Tư và Phát triển Song Nhật trả tiền #

Giao dịch viên

Kiểm soát

(Nguồn: Phòng kế toán - Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín)

Biểu số 2.4: Trích sổ Nhật ký chung

Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín
Thị Trấn Trường Sơn, Huyện An Lão, Hải Phòng

Mẫu số S03a – DNN
(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC
ngày 26 tháng 08 năm 2016 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2018

Đơn vị: đồng

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SH TK	Số phát sinh	
	Số hiệu	NT			Nợ	Có
...	
03/10	PX941	03/10	Bán hàng cho Công ty Cổ phần Thanh Sang	632 156	148.305.000	148.305.000
03/10	HD572	03/10	Bán hàng cho Công ty Cổ phần Thanh Sang	131 511 333	169.229.500	153.845.000 15.384.500
			...			
05/10	PX958	05/10	Bán hàng cho Công ty TNHH Đầu Tư và Phát triển Song Nhật	632 156	113.282.500	113.282.500
05/10	HD579 BC622	05/10	Bán hàng cho Công ty TNHH Đầu Tư và Phát triển Song Nhật	112 511 333	131.615.000	119.650.000 11.965.000
			...			
15/10	HD611 PT41/10	15/10	Bán hàng cho Công ty Cổ phần Đại Tây Dương	111 511 333	13.420.000	12.200.000 1.220.000
			..			
31/12	PKT19	31/12	Kết chuyển doanh thu	511 515 711 911	25.758.745.210 13.547.854 85.450.000	25.857.743.064
			...			
			Cộng		193.702.975.345	193.702.975.345

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2018

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng kế toán - Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín)

Biểu số 2.5 : Trích sổ cái tài khoản 511

Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín
Thị Trấn Trường Sơn, Huyện An Lão, Hải Phòng

Mẫu số S03b – DNN
(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC
ngày 26 tháng 08 năm 2016 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Số hiệu: 511

Năm 2018

Đơn vị: Đồng Việt Nam

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu năm			
			Số phát sinh			
				
03/10	HD572	03/10	Bán hàng hàng cho Công ty Cổ phần Thanh Sang	131		153.845.000
03/10	HD573	03/10	Bán hàng hàng cho Công ty TNHH Anh Vũ	131		65.450.000
...		
05/10	HD579 BC622	05/10	Bán hàng hàng cho Công ty TNHH Đầu Tư và Phát triển Song Nhật	112		119.650.000
...		
15/10	HD611 PT41/10	15/10	Bán hàng hàng cho Công ty Cổ phần Đại Tây Dương	111		12.200.000
15/10	DH612	15/10	Bán hàng cho Công ty Anh Vũ	131		91.560.500
...		
31/21	PKT19	31/21	Kết chuyển doanh thu 2018	911	25.758.745.210	
			Cộng phát sinh năm		25.758.745.210	25.758.745.210
			Số dư cuối năm			

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2018

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng kế toán - Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín)

Biểu số 2.6: Sổ chi tiết bán hàng

Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín
Thị Trấn Trường Sơn, Huyện An Lão, Hải Phòng

SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG

Tên sản phẩm: Inox thanh chữ V304 – TK 51121

Năm 2018

Ngày Ghi sổ	Ngày tháng	Số hiệu	Diễn giải	TK ĐƯ	Doanh thu				Các khoản tính trừ	
					Số lượng	Đơn giá	Thành tiền		Thuế	Khác
							Nợ	Có		
			...							
03/10	03/10	572	Inox thanh chữ V304	131	1.145	61.000		69.845.000		
05/10	05/10	579	Inox thanh chữ V304	131	1.000	61.000		61.000.000		
			...							
31/12	31/12	887	Inox thanh chữ V304	131	500	61.000		30.500.000		
			...							
			Cộng số phát sinh				964.354.854	964.354.854		

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.7: Bảng tổng hợp doanh thu

Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín
Thị Trấn Trường Sơn, Huyện An Lão, Hải Phòng

BẢNG TỔNG HỢP DOANH THU

Năm 2018

Đơn vị tính: đồng

STT	Tên sản phẩm	SH TK	Số phát sinh trong kỳ		Ghi chú
			Nợ	Có	
I	Hoạt động sản xuất gia công	5111	16.058.264.250	16.058.264.250	
	Gia công sản phẩm Inox	51111	16.058.264.250	16.058.264.250	
II	Hoạt động KD hàng hóa	5112	9.700.480.960	9.700.480.960	
1	Inox thanh chữ V304	51121	964.354.854	964.354.854	
2	Inox tấm 304	51122	1.245.264.102	1.245.264.102	
3	Inox cuộn 304	51123	882.167.111	882.167.111	
4	Inox thanh hộp chữ nhật 304	51124	853.015.314	853.015.314	
	...				
	Cộng		25.758.745.210	25.758.745.210	

Hải phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2018

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng kế toán - Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín)

2.2.2. Nội dung hạch toán kế toán giá vốn hàng bán tại Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín

2.2.2.1. Phương pháp tính giá hàng xuất kho.

Giá vốn hàng bán của Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín được tính theo phương pháp bình quân liên hoàn sau mỗi lần nhập đối với mỗi một loại hàng hóa, việc tính giá này được tính toán trên phần mềm Excel.

$$\text{Đơn giá bình quân liên hoàn} = \frac{\text{Trị giá vốn thực tế của vật tư tồn kho sau lần nhập thứ } i}{\text{Số lượng của vật tư tồn kho sau lần nhập thứ } i}$$

$$\text{Trị giá vốn thực tế của vật tư xuất kho} = \text{Số lượng vật tư xuất kho} * \text{Đơn giá bình quân liên hoàn}$$

Ví dụ 1: Ngày 03/10/2018, theo hóa đơn GTGT số 0000572 bán hàng cho Công ty Cổ phần Thanh Sang, chưa thu được tiền.

Dưới đây mô tả cách tính giá vốn cho Inox thanh chữ V 304:

+ Số lượng Inox thanh chữ V 304 tồn kho tính đến ngày 03/10/2018 là 11.400 kg, trị giá kho là 666.900.000 đồng.

Theo công thức tính trên có:

$$\text{Đơn giá Inox thanh chữ V 304 xuất kho} = \frac{666.900.000}{11.400} = 58.500 \text{ (đ/kg)}$$

$$\text{Trị giá vốn của Inox thanh chữ V 304 xuất kho} = 1.145 * 58.500 = 66.982.500 \text{ (đồng)}$$

Giá vốn các sản phẩm khác xác định tương tự.

Để hoạch toán giá vốn hàng bán sử dụng tài khoản 632- Giá vốn hàng bán.

+ TK 632: Giá vốn hàng bán, TK 632 được mở chi tiết:

- TK 6321: - Giá vốn thành phẩm:

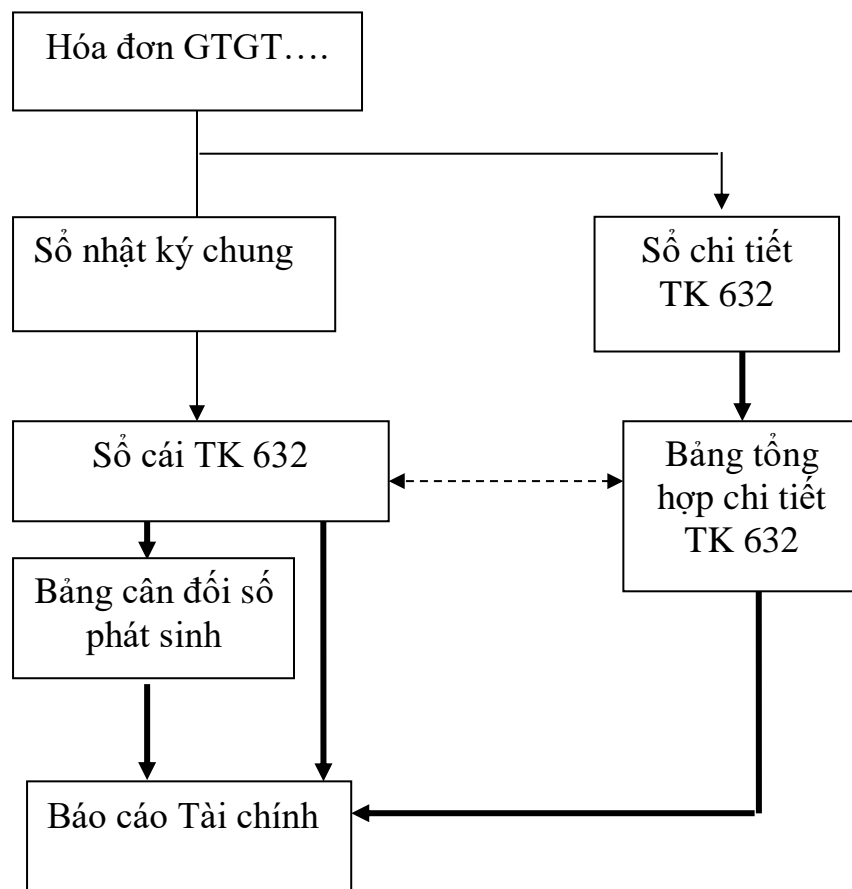
+ TK63211: Giá vốn từ gia công sản phẩm Inox

- TK6322 – Giá vốn bán hàng hóa. Trong đó chi tiết:

- + TK 63221 - Giá vốn bán Inox thanh chữ V 304.
- + TK 63222 - Giá vốn bán Inox tấm 304.
- + TK 63223 - Giá vốn bán Inox cuộn 304.
- + TK 63224 - Giá vốn bán Inox thanh hộp chữ nhật 304.

- Và các tài khoản có liên quan khác

- ❖ **Chứng từ sử dụng:** Phiếu xuất kho và các chứng từ liên quan
- ❖ **Sổ sách liên quan:** Sổ cái TK 632, TK156... và các sổ chi tiết
- ❖ **Quy trình hạch toán**
- ❖ Trình tự hạch toán:



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày: —————>
- Ghi cuối kỳ: —————>
- Đối chiếu, kiểm tra: <----->

Sơ đồ 2.5. Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán giá vốn tại Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín

Ví dụ 1: Ngày 03/10/2018, theo hóa đơn GTGT số 0000572 bán hàng cho Công ty Cổ phần Thanh Sang, chưa thu được tiền.

Biểu số 2.8: Phiếu xuất kho

Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín
Thị Trấn Trường Sơn, Huyện An Lão, Hải Phòng

Mẫu số: 02 – VT
(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC
ngày 26 tháng 08 năm 2016 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU XUẤT KHO
Ngày 03 tháng 10 năm 2018
Số: 941

Nợ: 632 148.305.000
Có: 156 148.305.000

Họ tên người nhận hàng: Vũ Kim Anh - Công ty Cổ phần Thanh Sang

Địa chỉ: số 96 Đà Nẵng, Q. Ngô Quyền, TP. Hải Phòng

Lý do xuất: Xuất bán hàng hóa

Xuất tại kho: Công ty

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách phẩm chất vật tư (Sản phẩm hàng hóa)	Mã số	ĐVT	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
1	Inox thanh chữ V 304	INV	Kg	1.145	1.145	58.500	66.982.500
2	Inox tấm 304	INT	kg	1.050	1.050	77.450	81.322.500
	Cộng tiền hàng						148.305.000

- **Tổng số tiền (bằng chữ):** Một trăm bốn mươi tám triệu, ba trăm linh năm nghìn đồng.

- **Số chứng từ gốc kèm theo:**

Người lập phiếu
(Ký, họ tên)

Người nhận hàng
(Ký, họ tên)

Thủ kho
(Ký, họ tên)

Ngày 03 tháng 10 năm 2018
Kế toán trưởng **Giám đốc**
(Ký, họ tên) (Ký, họ tên)

(Nguồn: Phòng kế toán - Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín)

Ví dụ 2: Ngày 05/10/2018, theo hóa đơn GTGT số 0000579 (biểu số 2.2) bán hàng cho Công ty TNHH Đầu Tư và Phát triển Song Nhật, đã thanh toán bằng chuyển khoản.

Biểu số 2.9: Phiếu xuất kho

Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín
Thị Trấn Trường Sơn, Huyện An Lão, Hải Phòng

Mẫu số: 02 – VT
(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC
ngày 26 tháng 08 năm 2016 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU XUẤT KHO
Ngày 05 tháng 10 năm 2018
Số: 958

Nợ: 632 113.282.500
Có: 156 113.282.500

Họ tên người nhận hàng: Ông Bùi Văn Bình - Công ty TNHH Đầu Tư và Phát triển Song Nhật

Địa chỉ: 119 Nguyễn Văn Linh – Lê Chân – Hải Phòng

Lý do xuất: Xuất bán hàng hóa

Xuất tại kho: Công ty

TT	Tên, nhãn hiệu, quy cách phẩm chất vật tư (Sản phẩm hàng hóa)	Mã số	ĐVT	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
1	Inox thanh chữ V 304	INV	kg	1.000	1.000	58.500	58.500.000
2	Inox cuộn 304	INT	kg	850	850	64.450	54.782.500
	Cộng tiền hàng						113.282.500

- **Tổng số tiền (bằng chữ):** Một trăm mười ba triệu, hai trăm tám hai nghìn, năm trăm đồng.
- **Số chứng từ gốc kèm theo:**

Ngày 05 tháng 10 năm 2018

Người lập phiếu (Ký, họ tên)	Người nhận hàng (Ký, họ tên)	Thủ kho (Ký, họ tên)	Kế toán trưởng (Ký, họ tên)	Giám đốc (Ký, họ tên)
--	--	--------------------------------	---------------------------------------	---------------------------------

(Nguồn: Phòng kế toán - Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín)

Biểu số 2.10: Trích sổ Nhật ký chung

Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín
Thị Trấn Trường Sơn, Huyện An Lão, Hải Phòng

Mẫu số S03a – DNN
(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC
ngày 26 tháng 08 năm 2016 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2018

Đơn vị: đồng

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SH TK	Số phát sinh	
	Số hiệu	NT			Nợ	Có
...	
03/10	PX941	03/10	Bán hàng cho Công ty Cổ phần Thanh Sang	632 156	148.305.000	148.305.000
03/10	HD572	03/10	Bán hàng cho Công ty Cổ phần Thanh Sang	131 511 333	169.229.500	153.845.000 15.384.500
			...			
05/10	PX958	05/10	Bán hàng cho Công ty TNHH Đầu Tư và Phát triển Song Nhật	632 156	113.282.500	113.282.500
05/10	HD579 BC	05/10	Bán hàng cho Công ty TNHH Đầu Tư và Phát triển Song Nhật	112 511 333	131.615.000	119.650.000 11.965.000
			...			
15/10	HD611 PT41/10	15/10	Bán hàng cho Công ty Cổ phần Đại Tây Dương	111 511 333	13.420.000	12.200.000 1.220.000
			..			
31/12	PKT19	31/12	Kết chuyển doanh thu	511 515 711 911	25.758.745.210 13.547.854 85.450.000	25.857.743.064
			...			
			Cộng		193.702.975.345	193.702.975.345

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2018

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng kế toán - Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín)

Biểu số 2.11: Sổ cái TK 632**Mẫu số S03b – DNN**Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín
Thị Trấn Trường Sơn, Huyện An Lão, Hải Phòng*((Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC
ngày 26 tháng 08 năm 2016 của Bộ trưởng BTC))***SỔ CÁI**

Tên TK: Giá vốn hàng bán

Số hiệu : 632

Năm 2018

Đơn vị tính: đồng

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu năm			
			Số phát sinh			
			...			
03/10	PX941	03/10	<i>Bán hàng cho Công ty Cổ phần Thanh Sang</i>	156	148.305.000	
			...			
04/10	PX955	04/10	Xuất kho hàng hóa đem bán	156	55.451.250	
04/10	PX956	04/10	Xuất kho hàng hóa đem bán	156	34.260.454	
05/10	PX957	05/10	Xuất kho hàng hóa đem bán	156	12.658.210	
05/10	PX958	05/10	<i>Bán hàng cho Công ty TNHH Đầu Tư và Phát triển Song Nhật</i>	156	113.282.500	
			...			
31/12	PKT20	31/12	Kết chuyển giá vốn xác định kết quả KD năm 2018	911		22.934.976.538
			Cộng phát sinh		22.934.976.538	22.934.976.538
			Số dư cuối năm			

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Người ghi sổ
(ký, ghi họ tên)Kế toán trưởng
(ký, ghi họ tên)Thủ trưởng đơn vị
(ký tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng kế toán - Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín)

Biểu số 2.12: Sổ chi tiết giá vốn

Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín

Thị Trấn Trường Sơn, Huyện An Lão, Hải Phòng

SỔ CHI TIẾT GIÁ VỐN

Tên sản phẩm: Inox thanh chữ V304– TK 63221

Năm 2018

Ngày Ghi sổ	Ngày tháng	Số hiệu	Diễn giải	TK ĐƯ	Giá vốn			
					Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	
							Nợ	Có
			...					
03/10	03/10	PX941	Bán Inox thanh chữ V304	156	1.145	58.500	66.982.500	
			...					
05/10	05/10	PX958	Bán Inox thanh chữ V304	156	1.000	58.500	58.500.000	
			...					
			Cộng số phát sinh				786.681.240	786.681.240

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.13: Bảng tổng hợp giá vốn

Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín
Thị Trấn Trường Sơn, Huyện An Lão, Hải Phòng

BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT GIÁ VỐN

Năm 2018

Đơn vị tính: đồng

STT	Tên sản phẩm	SH TK	Số phát sinh trong kỳ		Ghi chú
			Nợ	Có	
I	Hoạt động sản xuất gia công	6321	13.809.662.334	13.809.662.334	
	Gia công sản phẩm Inox	63211	13.809.662.334	13.809.662.334	
II	Hoạt động KD hàng hóa	6322	9.125.314.204	9.125.314.204	
1	Inox thanh chữ V304	63221	786.681.240	786.681.240	
2	Inox tấm 304	63222	1.095.321.452	1.095.321.452	
3	Inox cuộn 304	63223	801.012.542	801.012.542	
4	Inox thanh hộp chữ nhật 304	63224	803.045.414	803.045.414	
	...				
	Cộng		22.934.976.538	22.934.976.538	

Hải phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2018

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

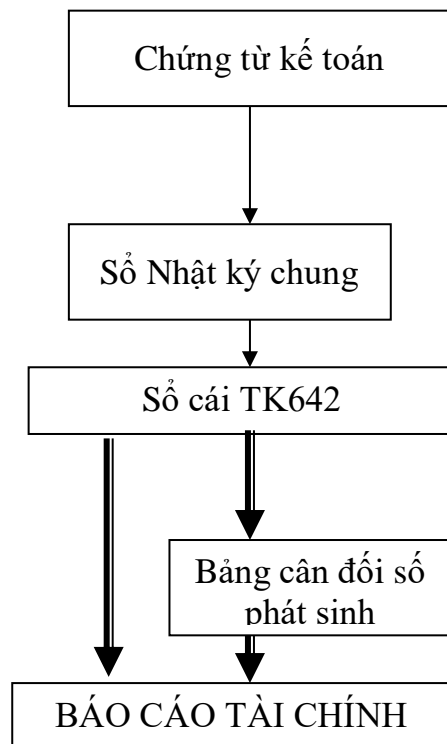
(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng kế toán - Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín)

2.2.3. Thực trạng công tác kế toán chi phí quản lý kinh doanh tại Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín.

- ❖ Chứng từ sử dụng:
 - + Hóa đơn GTGT
 - + Phiếu chi, ủy nhiệm chi...
 - + Bảng thanh toán lương
 - + Bảng tính và phân bổ khấu hao
- ❖ Tài khoản sử dụng:
 - + Tài khoản 642: Chi phí quản lý kinh doanh
- ❖ Sổ sách sử dụng:
 - + Sổ Nhật ký chung
 - + Sổ Cái TK642
- ❖ Phương pháp hạch toán:



- Ghi chú:**
- > Ghi hàng ngày
 - =====> Ghi hàng tuần, hàng tháng, hoặc định kỳ

Sơ đồ 2.6. Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán chi phí QLKD tại Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín

Ví dụ 1: Ngày 25 tháng 11 công ty chi tiền tiếp khách ở bộ phận quản lý, tổng số tiền là 3.410.000 đồng bằng tiền mặt.

Biểu số 2.14: Hóa đơn giá trị gia tăng

HOÁ ĐƠN			Mẫu số: 01 TKT3/001																
GIÁ TRỊ GIA TĂNG			Ký hiệu: AA/18P																
Liên 2: Giao khách hàng			0000386																
Ngày 25 tháng 11 năm 2018																			
Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH Thái Dương																			
Địa chỉ: 14 Trần Phú - Hải Phòng																			
Số tài khoản:																			
Điện thoại:MS thuế																			
<table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <tr> <td style="width: 12.5%;">0</td><td style="width: 12.5%;">2</td><td style="width: 12.5%;">0</td><td style="width: 12.5%;">0</td><td style="width: 12.5%;">8</td><td style="width: 12.5%;">9</td><td style="width: 12.5%;">5</td><td style="width: 12.5%;">7</td><td style="width: 12.5%;">3</td><td style="width: 12.5%;">5</td><td style="width: 12.5%;"></td><td style="width: 12.5%;"></td><td style="width: 12.5%;"></td><td style="width: 12.5%;"></td> </tr> </table>						0	2	0	0	8	9	5	7	3	5				
0	2	0	0	8	9	5	7	3	5										
Họ tên người mua hàng: Đỗ Văn Thành																			
Tên đơn vị: Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín																			
Địa chỉ: Thị Trấn Trường Sơn, Huyện An Lão, Hải Phòng																			
Số tài khoản: 0531 0088 387 1 Vietcombank Hai Phong Branch.....																			
Hình thức thanh toán: TM MS:																			
<table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <tr> <td style="width: 12.5%;">0</td><td style="width: 12.5%;">2</td><td style="width: 12.5%;">0</td><td style="width: 12.5%;">0</td><td style="width: 12.5%;">5</td><td style="width: 12.5%;">6</td><td style="width: 12.5%;">7</td><td style="width: 12.5%;">9</td><td style="width: 12.5%;">3</td><td style="width: 12.5%;">5</td><td style="width: 12.5%;"></td><td style="width: 12.5%;"></td><td style="width: 12.5%;"></td><td style="width: 12.5%;"></td> </tr> </table>						0	2	0	0	5	6	7	9	3	5				
0	2	0	0	5	6	7	9	3	5										
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị Tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền														
A	B	C	1	2	3=1x2														
1	Tiếp khách ăn uống				3.100.000														
<i>Cộng tiền hàng:</i>					3.100.000														
<i>Thuế GTGT: 10 %</i>					<i>Tiền thuế GTGT: 310.000</i>														
<i>Tổng cộng tiền thanh toán</i>					<i>3.410.000</i>														
Số tiền viết bằng chữ: <i>Ba triệu bốn trăm mười ngàn đồng chẵn/.</i>																			
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)															
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)																			

(Nguồn: Phòng kế toán - Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín)

Biểu số 2.15: Phiếu chi

Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín
Thị Trấn Trường Sơn, Huyện An Lão, Hải Phòng

Mẫu số 02 – TT
(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC
ngày 26 tháng 08 năm 2016 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU CHI

Ngày 25 tháng 11 năm 2018

Quyên số: 11

Số: 30/11

Nợ TK 642: 3.100.000

Nợ TK 133: 310.000

Có TK 111: 3.410.000

Họ và tên người nhận tiền : Nguyễn Hải Hà.....

Địa chỉ:..... Phòng Kế Toán.....

Lý do chi:.....Thanh toán tiền tiếp khách

Số tiền :..... 3.410.000.....(Viết bằng chữ): Ba triệu bốn trăm mười
ngàn đồng chẵn./.....

Kèm theo:.....01.....Chứng từ gốc.....HDGTGT 0000386.....

Ngày 25 tháng 11 năm 2018.

Giám đốc	Kế toán trưởng	Người lập phiếu	Người nhận tiền	Thủ quỹ
(Ký, họ tên, đóng dấu)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền(Viết bằng chữ): Ba triệu bốn trăm mười ngàn đồng chẵn /
+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng, bạc, đá quý).....
+ Số tiền quy đổi.....

(Nguồn: Phòng kế toán - Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín)

Biểu số 2.16: Trích sổ Nhật ký chung

Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín
Thị Trấn Trường Sơn, Huyện An Lão, Hải Phòng

Mẫu số S03a – DNN
(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC
ngày 26 tháng 08 năm 2016 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2018

Đơn vị: đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	SHT K	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
...	
03/10	HD572	03/10	Bán hàng cho Công ty Cổ phần Thanh Sang	131 511 333	169.229.500	153.845.000 15.384.500
			...			
25/11	PC 30/11 HĐ386	25/11	Chi tiếp khách	642 133 111	3.100.000 310.000	3.410.000
			...			
25/12	PC 35/12 HĐ416	25/12	Thanh toán tiền mua văn phòng phẩm	642 133 111	2.150.000 215.000	2.365.000
			...			
31/12	BC	31/12	Chi trả lãi vay	635 112	12.314.258	12.314.258
			..			
31/13	PKT20	31/12	Kết chuyển: - Giá vốn - Chi phí QLKD - Chi phí HĐTC - Chi phí khác	911 632 642 635 811	21.072.371.274	22.934.976.538 1.883.760.530 247.115.340 146.542.471
31/12	PKT21	31/12	Xác định thuế TNDN	821 333	129.069.637	129.069.637
			...			
			Cộng		193.702.975.345	193.702.975.345

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2018

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng kế toán - Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín)

Biểu số 2.17. Trích sổ cái TK642

Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín
Thị Trấn Trường Sơn, Huyện An Lão, Hải Phòng

Mẫu số S03b – DNN
(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC
ngày 26 tháng 08 năm 2016 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2018

Tên tài khoản: Chi phí quản lý kinh doanh

Số hiệu: 642

Đơn vị tính: đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu năm			
			Số phát sinh			
...
25/11	PC30/11 HĐ386	25/11	Thanh toán tiền chi tiếp khách	111	3.100.000	
...
25/12	PC35/12 HD1121	25/12	Thanh toán tiền mua văn phòng phẩm	111	2.150.000	
			..			
31/12	PKT20	31/12	Kết chuyển chi phí quản lý DN 2018	911		1.883.760.530
			Cộng số phát sinh		1.883.760.530	1.883.760.530
			Số dư cuối năm			

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2018

Người ghi sổ
(ký, ghi họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, ghi họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(ký tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng kế toán - Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín)

2.2.4. Nội dung kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính tại Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín

2.2.4.1. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính.

❖ **Chứng từ sử dụng**

Phiếu thu, giấy báo có, giấy báo lãi của ngân hàng, sổ phụ hoặc các chứng từ thông báo TK của ngân hàng. Các chứng từ khác có liên quan.

❖ **Tài khoản sử dụng**

- TK 515- Doanh thu hoạt động tài chính
- Và các TK liên quan

2.2.4.2. Kế toán chi phí hoạt động tài chính

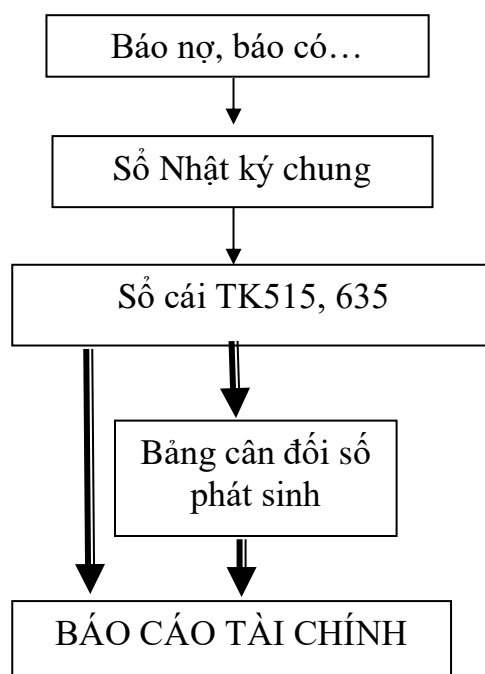
❖ **Chứng từ sử dụng:**

- Phiếu chi, Giấy báo nợ, Giấy báo lãi, sổ phụ của ngân hàng
- Các chứng từ thông báo TK của ngân hàng.

❖ **Tài khoản sử dụng**

- TK 635- Chi phí hoạt động tài chính
- Và các TK liên quan.

2.2.4.3. Phương pháp hạch toán.



Ghi chú: —————> Ghi hàng ngày
 ═══════════> Ghi hàng tuần, hàng tháng, hoặc định kỳ

Sơ đồ 2.7. Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính tại Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín

- **Ví dụ 1:** Ngày 25 tháng 11 năm 2018, công ty Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín nhận lãi từ ngân hàng Vietcombank chi nhánh Hải Phòng số tiền 16.410đồng.

Biểu số 2.18: Giấy báo có



Mã GDV: 3515
Mã KH: 23429
Số GD: 681

GIẤY BÁO CÓ

Ngày: 25/11/2018

Kính gửi : **Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín**
Mã số thuế: 0201239163

Hôm nay, chúng tôi xin báo đã ghi CÓ tài khoản của quý khách hàng với nội dung sau:

Số tài khoản ghi CÓ :0531 0088 387 1

Số tiền bằng số: 16.410

Số tiền bằng chữ: Mười sáu nghìn bốn trăm mười đồng./

Nội dung: # LÃI NHẬP GỐC #

GIAO DỊCH VIÊN

KIỂM SOÁT

(Nguồn: Phòng kế toán - Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín)

- **Ví dụ 2:** Ngày 31 tháng 12 năm 2018, công ty trả tiền lãi vay cho ngân hàng Vietcombank chi nhánh Hải Phòng, số tiền 12.314.258 đồng.

Căn cứ vào Giấy báo Nợ (biểu số 2.22) và các chứng từ khác có liên quan, kế toán ghi vào sổ kế toán theo định khoản sau:

Biểu số 2.19: Giấy báo nợ của ngân hàng Công thương



Mã GDV: 3515
Mã KH: 23429
Số GD: 714

GIẤY BÁO NỢ

Ngày: 31/12/2018

Kính gửi : **Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín**
Mã số thuế: 0201239163

Hôm nay, chúng tôi xin báo đã ghi NỢ tài khoản của quý khách hàng với nội dung sau:

Số tài khoản ghi NỢ : 0531 0088 387 1

Số tiền bằng số: 12.314.258

Số tiền bằng chữ: Mười hai triệu, ba trăm mười bốn nghìn đồng chẵn/

Nội dung: # TRẢ LÃI VAY #

GIAO DỊCH VIÊN

KIỂM SOÁT

(Nguồn: Phòng kế toán - Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín)

Biểu số 2.20: Trích sổ Nhật ký chung

Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín
Thị Trấn Trường Sơn, Huyện An Lão, Hải Phòng

Mẫu số S03a – DNN
(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC
ngày 26 tháng 08 năm 2016 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2018

Đơn vị: đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	SH TK	Số phát sinh	
	Số hiệu	NT			Nợ	Có
			...			
03/05	BBTL 05	03/05	Thanh lý Máy Photocopy Toshiba 6540C	214 211	32.727.273	32.727.273
03/05	PT05/5 HĐ0981	03/05	Hạch toán thu nhập từ Thanh lý Máy Photocopy Toshiba 6540C	111 711 333	1.650.000	1.500.000 150.000
			...			
03/10	HD572	03/10	Bán hàng cho Công ty Cổ phần Thanh Sang	131 511 333	169.229.500	153.845.000 15.384.500
			...			
25/11	BC681	25/11	Tiền lãi được hưởng	112 515	16.410	16.410
			...			
31/12	BN714	31/12	Chi trả lãi vay	635 112	12.314.258	12.314.258
			..			
31/12	PKT19	31/12	Kết chuyển doanh thu	511 515 711 911	25.758.745.210 13.547.854 85.450.000	25.857.743.064
31/13	PKT20	31/12	Kết chuyển: - Giá vốn - Chi phí QLKD - Chi phí HĐTC - KC chi phí khác	911 632 642 635 811	21.072.371.274	22.934.976.538 1.883.760.530 247.115.340 146.542.471
			...			
			Cộng		193.702.975.345	193.702.975.345

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2018

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

(Nguồn: Phòng kế toán - Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.21. Trích sổ cái TK 515

Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín
Thị Trấn Trường Sơn, Huyện An Lão, Hải Phòng

Mẫu số S03b – DNN
(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC
ngày 26 tháng 08 năm 2016 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tên TK: Doanh thu hoạt động tài chính

Số hiệu : 515

Năm 2018

Đơn vị tính: đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu năm			
			Số phát sinh			
					
25/10	BC594	25/10	Ngân hàng Vietcombank nhập lãi tiền gửi không kỳ hạn	112		22.156
			...			
25/11	BC681	25/11	Ngân hàng vietcombank nhập lãi tiền gửi không kỳ hạn	112		16.410
25/12	BC703	25/12	Thu tiền lãi từ ngân hàng thương mại Á Châu	112		34.351
			...			
31/12	PKT19	31/12	Kết chuyển doanh thu tài chính 2018	911	13.547.854	
			Cộng số phát sinh		13.547.854	13.547.854
			Số dư cuối năm			

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2018

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng kế toán - Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín)

Biểu số 2.22. Trích sổ cái TK 635

Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín
Thị Trấn Trường Sơn, Huyện An Lão, Hải Phòng

Mẫu số S03b – DNN
(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC
ngày 26 tháng 08 năm 2016 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tên TK: Chi phí hoạt động tài chính

Số hiệu : 635

Năm 2018

Đơn vị tính: Đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu năm			
			Số phát sinh			
			...			
31/10	BN601	31/10	Trả lãi cho ngân hàng Vietcom bank	112	13.341.250	
			...			
30/11	BN654	30/11	Trả lãi cho ngân hàng Vietcom bank	112	12.851.801	
			...			
31/12	BN714	31/12	Trả lãi cho ngân hàng Vietcom bank	112	12.314.258	
			...			
31/12	PKT20	31/12	Kết chuyển chi phí tài chính 2018	911		247.115.340
			Cộng số phát sinh		247.115.340	247.115.340
			Số dư cuối năm			

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2018

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng kế toán - Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín)

2.2.5. Nội dung kế toán thu nhập và chi phí khác tại Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín.

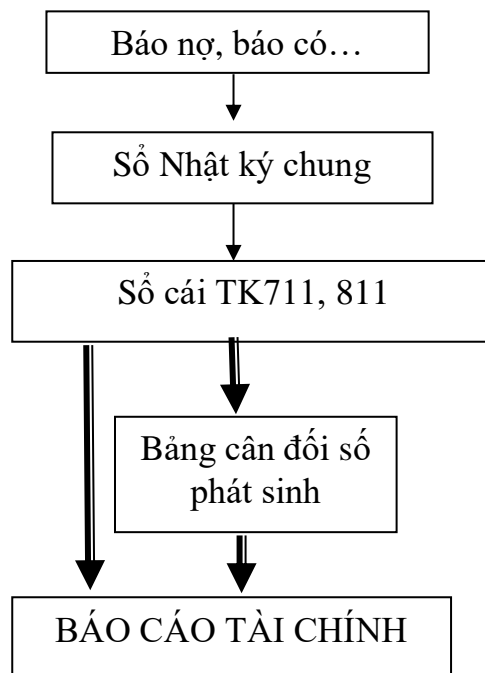
❖ **Chứng từ sử dụng:**

- + Hóa đơn GTGT;
- + Phiếu thu, Phiếu chi;
- + Giấy báo Có của Ngân hàng;...
- + Các chứng từ liên quan: Biên bản thanh lý tài sản cố định; ...

❖ **Tài khoản sử dụng:**

- ✓ TK 711 – “ Thu nhập khác ”
- ✓ TK 811 – “ Chi phí khác ”

❖ **Phương pháp hạch toán.**



- Ghi chú:**
- > Ghi hàng ngày
 - =====> Ghi hàng tuần, hàng tháng, hoặc định kỳ

Sơ đồ 2.8. Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán thu nhập, chi phí khác tại Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín

Ví dụ: Ngày 03/5/2018, theo đề nghị của Phòng Tổ chức Hành chính, Máy Photocopy Toshiba 6540C của công ty đã cũ, giá trị đã khấu hao hết cần bán thanh lý. Ban thanh lý của công ty đã họp và quyết định thanh lý TSCĐ trên.

Biểu số 2.23: Hóa đơn GTGT

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG			Mẫu số:															
Liên 3: Lưu			01GTKT3/001															
Ngày 03 tháng 05 năm 2018			Ký hiệu: TM/18P															
			Số: 0000981															
Tên đơn bán hàng vị: Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín																		
Mã số thuế: <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse; text-align: center;"> <tr> <td style="width: 20px;">0</td><td style="width: 20px;">2</td><td style="width: 20px;">0</td><td style="width: 20px;">1</td><td style="width: 20px;">2</td><td style="width: 20px;">3</td><td style="width: 20px;">9</td><td style="width: 20px;">1</td><td style="width: 20px;">6</td><td style="width: 20px;">3</td><td style="width: 20px;"></td><td style="width: 20px;"></td><td style="width: 20px;"></td> </tr> </table>						0	2	0	1	2	3	9	1	6	3			
0	2	0	1	2	3	9	1	6	3									
Địa chỉ: Thị Trấn Trường Sơn, Huyện An Lão, Hải Phòng																		
Điện thoại: 02253.762.888. Số tài khoản:																		
Họ tên người mua hàng: Ông Đồng Đức Minh – Nhân viên phòng Hành chính																		
Tên đơn vị:																		
Mã số thuế:																		
Địa chỉ: Thị Trấn Trường Sơn, Huyện An Lão, Hải Phòng																		
Hình thức thanh toán: TM..... Số tài khoản:.....																		
ST T	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền													
1	2	3	4	5	6=5x4													
1	Thanh lý Máy Photocopy Toshiba 6540C	Chiếc	01	1.500.000	1.500.000													
	/																	
Cộng tiền hàng					1.500.000													
Thuế GTGT : 10%			Tiền thuế GTGT		150.000													
Tổng cộng tiền thanh toán					1.650.000													
Số tiền viết bằng chữ: <i>Một triệu, sáu trăm năm mươi nghìn đồng chẵn</i>																		
Người mua hàng <i>(ký, ghi rõ họ tên)</i>		Người bán hàng <i>(ký, ghi rõ họ tên)</i>		Thủ trưởng đơn vị <i>(ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)</i>														

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)

(Nguồn số liệu: Phòng Kế toán Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín)

Biểu 2.24: Phiếu thu

Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín
Thị Trấn Trường Sơn, Huyện An Lão, Hải Phòng

Mẫu số: 01 – TT
(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC
ngày 26 tháng 08 năm 2016 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU THU

Hải phòng, ngày 03 tháng 05 năm 2018

Số PT 5/05

	Nợ TK 111	1.650.000	
	Có TK 711	1.500.000	
Họ tên người nộp tiền : Ông Đồng	Có TK 333	150.000	Đức Minh

Địa chỉ : Thị Trấn Trường Sơn, Huyện An Lão, Hải Phòng

Lý do nộp: Thanh toán tiền mua máy photo thanh lý.

Số tiền : 1.650.000 đồng.

(Viết bằng chữ) Một triệu, sáu trăm năm mươi nghìn đồng chẵn.

Kèm theo 01 chứng từ gốc

Ngày 03 tháng 05 năm 2018

Thủ trưởng đv	Kế toán trưởng	Người lập	Người nộp tiền	Thủ quỹ
(ký, họ tên)	(ký, họ tên)	(ký, họ tên)	(ký, họ tên)	(ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ). Một triệu, sáu trăm năm mươi nghìn đồng chẵn.

+Tỷ giá ngoại tệ (vàng bạc, đá quý).....

+Số tiền quy đổi.....

(Nguồn số liệu: Phòng Kế toán Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín)

Biểu 2.25: Phiếu chi

Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín
Thị Trấn Trường Sơn, Huyện An Lão, Hải Phòng

Mẫu số: 02 – TT
(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC
ngày 26 tháng 08 năm 2016 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU CHI

Hải phòng, ngày 31 tháng 10 năm 2018
Số PC 38/10

Nợ TK 811	12.500.000
Có TK 111	12.500.000

Họ tên người nhận tiền : **Ông Nhữ Trọng Bách**

Địa chỉ : Thị Trấn Trường Sơn, Huyện An Lão, Hải Phòng

Lý do nộp: Thanh toán tiền phạt vi phạm hợp đồng.

Số tiền : **12.500.000** đồng.

(Viết bằng chữ) Mười hai triệu, năm trăm mười nghìn đồng chẵn.

Kèm theo 01 chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 10 năm 2018

Thủ trưởng đv	Kế toán trưởng	Người lập	Người nhận tiền	Thủ quỹ
<i>(ký, họ tên)</i>	<i>(ký, họ tên)</i>	<i>(ký, họ tên)</i>	<i>(ký, họ tên)</i>	<i>(ký, họ tên)</i>

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ). Mười hai triệu, năm trăm nghìn đồng chẵn.

+Tỷ giá ngoại tệ (vàng bạc, đá quý).....

+Số tiền quy đổi.....

(Nguồn số liệu: Phòng Kế toán Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín)

Biểu số 2.26: Trích sổ Nhật ký chung

Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín
Thị Trấn Trường Sơn, Huyện An Lão, Hải Phòng

Mẫu số S03a – DNN
(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC
ngày 26 tháng 08 năm 2016 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2018

Đơn vị: đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	SH TK	Số phát sinh	
	Số hiệu	NT			Nợ	Có
			...			
03/05	BBTL 05	03/05	Thanh lý Máy Photocopy Toshiba 6540C	214 211	32.727.273	32.727.273
03/05	PT5/5 HĐ0981	03/05	Hạch toán thu nhập từ Thanh lý Máy Photocopy Toshiba 6540C	111 711 333	1.650.000	1.500.000 150.000
			...			
31/10	PC38/10	31/10	Thanh toán tiền vi phạm hợp đồng	811 111	12.500.000	12.500.000
			...			
25/11	BC681	25/11	Tiền lãi được hưởng	112 515	16.410	16.410
			...			
31/12	PKT19	31/12	Kết chuyển doanh thu	511 515 711 911	25.758.745.210 13.547.854 85.450.000	25.857.743.064
31/13	PKT20	31/12	Kết chuyển: - Giá vốn - Chi phí QLKD - Chi phí HĐTC - KC chi phí khác	911 632 642 635 811	21.072.371.274	22.934.976.538 1.883.760.530 247.115.340 146.542.471
			...			
31/12	PKT22	31/12	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	911 821	129.069.637	129.069.637
31/12	PKT23	31/12	Kết chuyển lợi nhuận sau thuế	911 421	516.278.548	516.278.548
			Cộng		193.702.975.345	193.702.975.345

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2018

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng kế toán - Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín)

Biểu số 2.27. Trích sổ cái TK 711

Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín
Thị Trấn Trường Sơn, Huyện An Lão, Hải Phòng

Mẫu số S03b – DNN
(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC
ngày 26 tháng 08 năm 2016 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tên TK: Thu nhập hoạt động khác

Số hiệu : 711

Năm 2018

Đơn vị tính: đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu năm			
			Số phát sinh			
					
03/0 5	PT05/05 HĐ0981	03/0 5	Hạch toán thu nhập từ Thanh lý Máy Photocopy Toshiba 6540C	711		1.500.000
			...			
31/12	PKT19	31/12	Kết chuyển doanh thu tài chính 2018	911	85.450.000	
			Cộng số phát sinh		85.450.000	85.450.000
			Số dư cuối năm			

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2018

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng kế toán - Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín)

Biểu số 2.28. Trích sổ cái TK 811

Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín
Thị Trấn Trường Sơn, Huyện An Lão, Hải Phòng

Mẫu số S03b – DNN
(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC
ngày 26 tháng 08 năm 2016 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tên TK: Chi phí hoạt động khác

Số hiệu : 811

Năm 2018

Đơn vị tính: Đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu năm			
			Số phát sinh			
			...			
31/10	PC38/10	31/10	Phạt do vi phạm hợp đồng	111	12.500.000	
			...			
31/12	PKT20	31/12	Kết chuyển chi phí tài chính 2018	911		146.542.471
			Cộng số phát sinh		146.542.471	146.542.471
			Số dư cuối năm			

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2018

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng kế toán - Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín)

2.2.6. Tổng hợp doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín

❖ Chứng từ sử dụng:

+ Phiếu kế toán

❖ Sổ kế toán sử dụng:

+ Sổ cái TK911: “Kết quả kinh doanh”

+ Sổ cái TK 821: “Chi phí thuế TNDN”

+ Sổ cái TK421: “Lợi nhuận chưa phân phối”

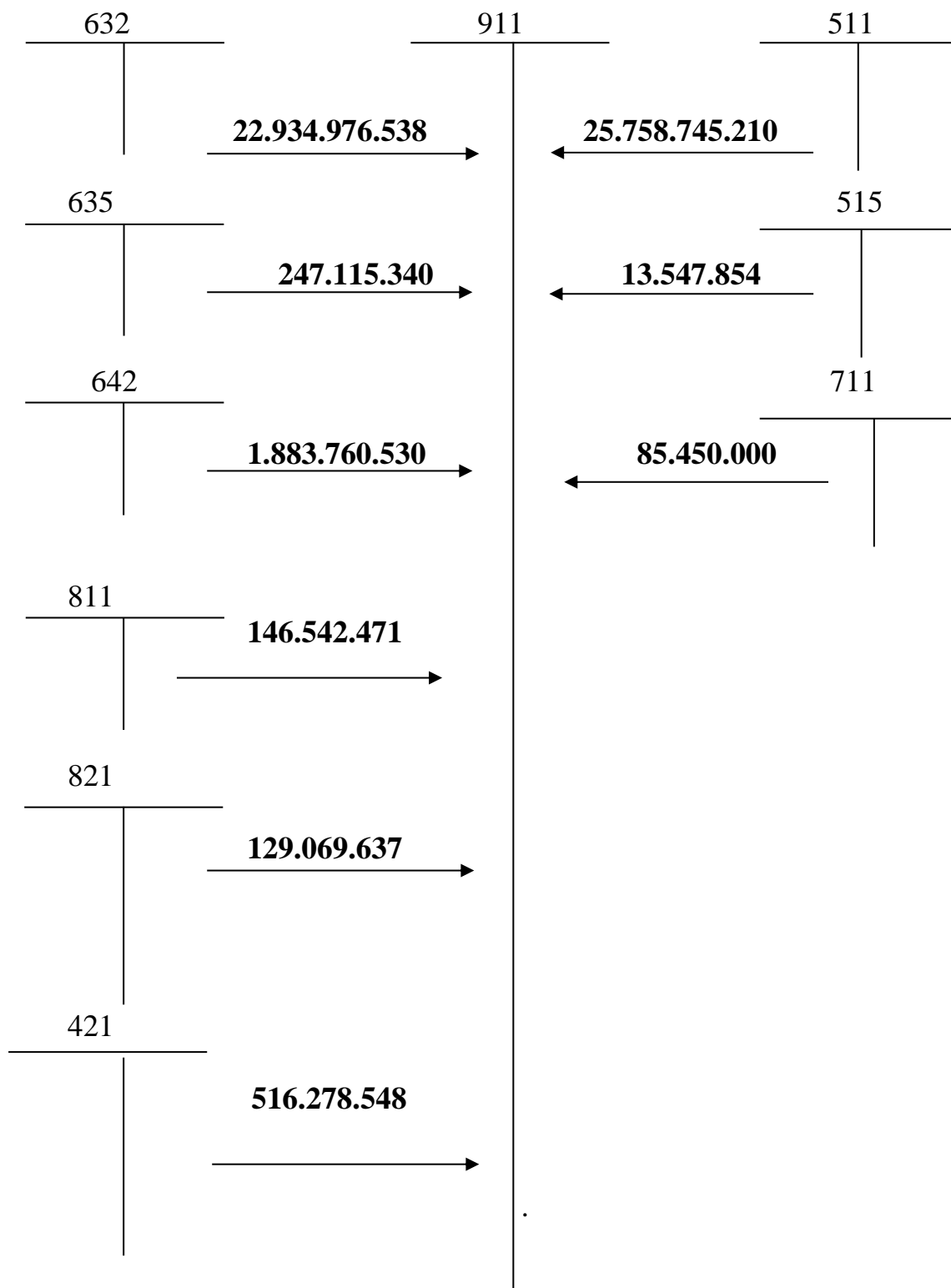
❖ Ví dụ minh họa:

Cuối tháng 12 kế toán công ty thực hiện các bút toán kết chuyển để xác định kết quả kinh doanh Năm 2018.

Kế toán ghi các bút toán kết chuyển vào phiếu kế toán. Từ phiếu kế toán kế toán vào các sổ sách liên quan.

Tổng hợp kết quả hoạt động kinh doanh năm 2018 như sau:

- Doanh thu cung cấp dịch vụ:	25.758.745.210
- Doanh thu hoạt động tài chính:	13.547.854
- Thu nhập khác:	85.450.000
- Giá vốn bán hàng:	22.934.976.538
- Chi phí tài chính:	247.115.340
- Chi phí quản lý kinh doanh:	1.883.760.530
- Chi phí khác:	146.542.471
- Thu nhập chịu thuế =	645.348.185
- Thuế TNDN phải nộp = $645.348.185 \times 20\%$	= 129.069.637
- Lợi nhuận sau thuế =	516.278.548



Sơ đồ 2.9: Sơ đồ xác định doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh

Biểu số 2.29. Phiếu kế toán số 19

Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín

Thị Trấn Trường Sơn, Huyện An Lão, Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Số: 19

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Kết chuyển doanh thu bán hàng	511	911	25.758.745.210
2	Kết chuyển doanh thu HĐ tài chính	515	911	13.547.854
3	Kết chuyển doanh thu nhập khác	711	911	85.450.000
	Cộng			25.857.743.064

Người lập

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Biểu số 2.30. Phiếu kế toán số 20

Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín

Thị Trấn Trường Sơn, Huyện An Lão, Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Số: 20

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911	632	22.934.976.538
2	Kết chuyển chi phí QLDN	911	642	1.883.760.530
3	Kết chuyển chi phí HĐ chính	911	635	247.115.340
3	Kết chuyển chi phí khác	911	811	146.542.471
	Cộng			21.072.371.274

Người lập

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

(Nguồn: Phòng kế toán - Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín)

Biểu số 2.31. Phiếu kế toán số 21

Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín
Thị Trấn Trường Sơn, Huyện An Lão, Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Số: 21

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Thuế TNDN phải nộp năm 2018	821	3334	129.069.637
	Cộng			129.069.637

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.32. Phiếu kế toán số 22

Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín
Thị Trấn Trường Sơn, Huyện An Lão, Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Số: 22

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	911	821	129.069.637
	Cộng			129.069.637

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.33. Phiếu kế toán số 23

Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín
Thị Trấn Trường Sơn, Huyện An Lão, Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Số: 23

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Lợi nhuận sau thuế	911	421	516.278.548
	Cộng			516.278.548

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.34: Trích sổ Nhật ký chung

Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín
Thị Trấn Trường Sơn, Huyện An Lão, Hải Phòng

Mẫu số S03a – DNN
(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC
ngày 26 tháng 08 năm 2016 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2018

Đơn vị: đồng

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	SH TK	Số phát sinh	
	Số hiệu	NT			Nợ	Có
			...			
03/05	BBTL 05	03/05	Thanh lý Máy Photo Toshiba 6540C	214 211	32.727.273	32.727.273
03/05	PT05/05 HD0981	03/05	Thu nhập từ Thanh lý Máy Photocopy Toshiba 6540C	111 711 333	1.650.000	1.500.000 150.000
			...			
31/12	BC671	31/12	Tiền lãi được hưởng	112 515	16.410	16.410
			...			
31/12	BN714	31/12	Chi trả lãi vay	635 112	12.314.258	12.314.258
			..			
31/12	PKT19	31/12	Kết chuyển doanh thu	511 515 711 911	25.758.745.210 13.547.854 85.450.000	25.857.743.064
31/13	PKT20	31/12	Kết chuyển: - Giá vốn - Chi phí QLKD - Chi phí HĐTC - Chi phí khác	911 632 642 635 811	21.072.371.274	22.934.976.538 1.883.760.530 247.115.340 146.542.471
31/12	PKT21	31/12	Xác định thuế TNDN	821 3334	129.069.637	129.069.637
31/12	PKT22	31/12	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	911 821	129.069.637	129.069.637
31/12	PKT23	31/12	Kết chuyển lợi nhuận sau thuế	911 421	516.278.548	516.278.548
			Cộng		193.702.975.345	193.702.975.345

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2018

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng kế toán - Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín)

Biểu số 2.35. Trích sổ cái TK 911

Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín
Thị Trấn Trường Sơn, Huyện An Lão, Hải Phòng

Mẫu số S03b – DNN
(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC
ngày 26 tháng 08 năm 2016 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Xác định kết quả kinh doanh
Số hiệu: 911
Năm 2018

Đơn vị tính: đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu năm			
			Số phát sinh			
31/12	PKT19	31/12	Kết chuyển doanh thu bán hàng	511		25.758.745.210
31/12	PKT19	31/12	Kết chuyển DTHĐTC	515		13.547.854
31/12	PKT19	31/12	Kết chuyển thu nhập khác	711		85.450.000
31/12	PKT20	31/12	Kết chuyển giá vốn	632	22.934.976.538	
31/12	PKT20	31/12	Kết chuyển CPQLKD	642	1.883.760.530	
31/12	PKT20	31/12	Kết chuyển chi phí hoạt động tài chính	635	247.115.340	
31/12	PKT20	31/12	Kết chuyển chi phí khác	811	146.542.471	
31/12	PKT22	31/12	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	821	129.069.637	
31/12	PKT23	31/12	Kết chuyển lợi nhuận sau thuế	421	516.278.548	
			Cộng số phát sinh		25.857.743.064	25.857.743.064
			Số dư cuối năm			

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2018

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng kế toán - Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín)

Biểu số 2.36. Trích sổ cái TK 421

Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín
Thị Trấn Trường Sơn, Huyện An Lão, Hải Phòng

Mẫu số S03b – DNN
(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC
ngày 26 tháng 08 năm 2016 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Lợi nhuận chưa phân phối

Số hiệu: 421

Năm 2018

Đơn vị tính: đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu năm			489.723.584
			Số phát sinh			
			...			
31/12	PKT23	31/1 2	Lợi nhuận sau thuế năm 2018	911		516.278.548
			Cộng số phát sinh		489.723.584	516.278.548
			Số dư cuối năm			516.278.548

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2018

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng kế toán - Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín)

Biểu số 2.37: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ
Tín

Thị Trấn Trường Sơn, Huyện An Lão, Hải Phòng

Mẫu số B02 – DNN

((Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC

ngày 26 tháng 08 năm 2016 của Bộ trưởng BTC)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2018

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết t minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		25.758.745.210	21.568.754.124
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		25.758.745.210	21.568.754.124
4. Giá vốn hàng bán	11		22.934.976.538	18.697.562.412
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		2.823.768.672	2.871.191.712
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		13.547.854	8.954.751
7. Chi phí tài chính	22		247.115.340	245.328.574
-Trong đó: Chi phí lãi vay	23			
8. Chi phí quản lý kinh doanh	24		1.883.760.530	1.657.821.754
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-25)	30		706.440.656	976.996.135
10. Thu nhập khác	31		85.450.000	
11. Chi phí khác	32		146.542.471	
12. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(61.092.471)	
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		645.348.185	976.996.135
14. Chi phí thuế TNDN	51		129.069.637	195.399.227
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		516.278.548	781.596.908

Hải phòng, ngày 31 tháng 01 năm 2019

**Kế toán
trưởng**

Người lập biểu

Giám đốc

(Nguồn: Phòng kế toán - Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín)

CHƯƠNG 3**MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI MỸ TÍN****3.1. Đánh giá thực trạng công tác kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh nói riêng tại Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín**

Nền kinh tế luôn vận động và phát triển mạnh mẽ. Những biến động của nền kinh tế thị trường ảnh hưởng không nhỏ tới hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Do đó, bên cạnh những thuận lợi, công ty phải đương đầu với không ít khó khăn do những yếu tố khách quan của thị trường và cả những yếu tố chủ quan khác tác động. Mặc dù vậy, công ty đã năng động trong việc chuyển đổi cơ chế, mạnh dạn phát triển, ngày càng khẳng định vị trí của mình trên thị trường.

Trong công tác kế toán: công ty luôn đảm bảo đúng nguyên tắc hạch toán kế toán, đặc biệt là trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh. Kế toán công ty đã thực hiện và áp dụng các chế độ kế toán Nhà nước một cách triệt để, đúng với yêu cầu và nguyên tắc kế toán đặt ra.

Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là một bộ phận của quá trình kế toán của công ty. Vì vậy, nó không ngừng đổi mới và hoàn thiện để đáp ứng yêu cầu thông tin của nhà quản lý.

Công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín đã đạt được những ưu điểm song cũng còn tồn tại một số nhược điểm. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là phải tìm cách phát huy những điểm mạnh và hạn chế, khắc phục những điểm yếu để công tác kế toán ngày càng hiệu quả hơn.

3.1.1. Ưu điểm**- Về tổ chức bộ máy kế toán:**

Kế toán là một trong những công cụ quan trọng nhất của doanh nghiệp. Kế toán là một bộ phận cấu thành nên hệ thống quản lý kinh tế tài chính của công ty và là bộ phận quan trọng quyết định sự thành bại trong kinh doanh. Vì vậy, công ty nên nhận thấy vai trò của bộ máy kế toán trong việc giám sát, quản lý hoạt động kinh doanh:

- Mô hình bộ máy kế toán của công ty là kế toán tập trung. Hình thức tổ chức bộ máy kế toán tạo điều kiện thuận lợi cho việc giám sát tại chỗ của kế toán trên

văn phòng công ty.

- Bộ phận kế toán của Công ty đã không ngừng tìm tòi, hoàn thiện và nâng cao để đáp ứng nhu cầu kinh doanh ngày một đa dạng của Công ty. Đến nay, hệ thống kế toán của Công ty được tổ chức tương đối hoàn chỉnh, gọn nhẹ, nắm chắc chức năng của từng bộ phận mình quản lý.

- Bộ máy kế toán được tổ chức sắp xếp tương đối phù hợp với yêu cầu công việc và khả năng trình độ của từng người. Công ty có đội ngũ kế toán viên trẻ, nhiệt tình, làm việc với tinh thần trách nhiệm cao.

- Công tác kế toán đi vào nề nếp, các chi phí phát sinh không cao so với dự toán chi phí kế hoạch năm, do đó công tác kế toán không bị biến động lớn.

- Kế toán thường xuyên kiểm tra, đối chiếu các số liệu phát hiện những nghiệp vụ bất thường cần điều chỉnh lại, đảm bảo cung cấp thông tin chính xác cho việc xác định kết quả kinh doanh, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp trong quá trình kinh doanh.

- Về hình thức sổ kế toán:

Công ty hạch toán ghi sổ theo hình thức “Nhật ký chung”, đây là hình thức kế toán đơn giản, phổ biến, phù hợp với hoạt động kinh doanh diễn ra tại công ty. Đồng thời, các nghiệp vụ kế toán phát sinh được phản ánh rõ ràng trên sổ Nhật ký chung, các sổ cái và sổ chi tiết theo trình tự thời gian giúp thông tin kế toán được cập nhật thường xuyên, liên tục và đầy đủ.

- Về hệ thống chứng từ, tài khoản và báo cáo tài chính

+ Các chứng từ sử dụng cho việc hạch toán đều phù hợp với yêu cầu kinh tế và pháp lý của các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, đúng với mẫu do Bộ tài chính quy định. Quy trình luân chuyển chứng từ nhanh chóng, kịp thời.

+ Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín sử dụng những tài khoản trong hệ thống tài khoản ban hành theo thông tư số 133/2016/TT-BTC.

+ Về báo cáo tài chính: Các báo cáo tài chính được lập theo đúng mẫu biểu quy định và đảm bảo tính chính xác, kịp thời cung cấp thông tin phục vụ công tác quản lý kinh tế tài chính của công ty.

- Về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh:

+ Tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của Công ty được áp dụng đúng theo chế độ kế toán ban hành theo thông tư số 133/2016/TT-BTC ban hành ngày 26/08/2016 của Bộ trưởng Bộ tài chính và các chuẩn mực kế toán liên quan như chuẩn mực kế toán số 14 về doanh thu và thu

nhập khác, chuẩn mực số 17 về thuế thu nhập doanh nghiệp.... Công ty cũng thường xuyên cập nhật kịp thời những thay đổi của chế độ kế toán, giúp cho Công ty tiến hành công tác kế toán một cách chính xác, phù hợp.

+ Về tổ chức kế toán doanh thu: Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến bán hàng và cung cấp dịch vụ đều được kế toán ghi nhận doanh thu một cách kịp thời, chính xác, đầy đủ, phù hợp với các điều kiện ghi nhận doanh thu.

+ Về tổ chức kế toán chi phí: Các chi phí phát sinh được công ty ghi chép một cách đầy đủ, chính xác; giúp công ty quản lý chặt chẽ được các khoản chi phí hợp lý, hợp lệ phát sinh; từ đó đưa ra những biện pháp điều chỉnh chi phí một cách hợp lý để tăng lợi nhuận của công ty.

+ Về tổ chức kế toán xác định kết quả kinh doanh: Công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh đã phần nào đáp ứng được yêu cầu của ban lãnh đạo công ty về việc cung cấp thông tin kịp thời, chính xác về tình hình kinh doanh của công ty.

3.1.2. Hạn chế

Bên cạnh những kết quả đã đạt được thì công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín còn bộc lộ những hạn chế sau:

❖ Thứ nhất, về bộ máy kế toán và công tác ghi chép sổ sách kế toán:

Tuy bộ máy kế toán của công ty bao gồm những người năng động, nhiệt tình nhưng do sự phân công công việc cho các nhân viên chưa phù hợp. Điều này làm ảnh hưởng đến năng suất, hiệu quả làm việc trong công ty.

Hiện tại, công ty đang áp dụng hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ. Công ty làm kế toán thủ công và lập chương trình kế toán trên Excel để hỗ trợ làm việc chứ không dùng phần mềm kế toán chuyên dụng nên việc xử lý các nghiệp vụ kinh tế phát sinh còn chậm và hay sai sót, mất nhiều thời gian, phải lập nhiều sổ, đôi khi đối chiếu còn dẫn đến nhầm lẫn.

❖ Thứ hai, về việc trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi:

Việc trích lập các khoản dự phòng đồng nghĩa với việc dự kiến trước các tổn thất, để khi những rủi ro kinh tế bất ngờ xảy ra công ty có nguồn kinh phí hợp lý kịp thời cho những rủi ro này, hoạt động kinh doanh sẽ không phải chịu những ảnh hưởng nặng nề, không phải chịu những tổn thất không đáng có. Tuy nhiên hiện tại Công ty có phát sinh các khoản nợ đã quá hạn thanh toán nhưng công ty lại chưa tiến hành trích lập dự phòng cho khoản này.

❖ **Thứ ba, về hệ thống sổ sách kế toán:** Công ty không lập sổ chi tiết tài khoản 642 nên khó theo dõi được nội dung các khoản mục chi phí phát sinh trong kỳ, từ đó công tác quản lý chi phí quản lý doanh nghiệp chưa hiệu quả.

3.2. Một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín

3.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện công tác kế toán hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh .

Trong cơ chế thị trường nhiều biến động như hiện nay cùng với sự cạnh tranh gay gắt giữa các doanh nghiệp thì sự thành bại của một doanh nghiệp là điều tất yếu. Doanh nghiệp muốn duy trì tốt hoạt động của mình thì phải xác định phương hướng cũng như mục tiêu để từ đó có bước phát triển mới. Muốn vậy trước hết doanh nghiệp phải hoàn thiện, không ngừng đổi mới công tác kế toán sao cho phù hợp với yêu cầu quản lý trong nền kinh tế thị trường như hiện nay. Vì kế toán trong công cuộc đổi mới không chỉ là công cụ quản lý mà trở thành bộ phận quản lý kinh tế, tài chính của doanh nghiệp.

Thông qua việc lập chứng từ, kiểm tra, tính toán, ghi chép, tổng hợp các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng các phương pháp khoa học có thể biết được những thông tin một cách chính xác, kịp thời, đầy đủ về sự vận động tài sản và nguồn hình thành tài sản, góp phần bảo vệ tài sản và sử dụng tài sản hợp lý của đơn vị mình. Hơn nữa, Báo cáo tài chính còn cung cấp thông tin cho mọi đối tượng quan tâm về tình hình tài chính của công ty như nhà đầu tư, cơ quan thuế, ngân hàng... để có những quyết định đầu tư đúng đắn trong tương lai. Vì vậy, điều quan trọng là các thông tin tài chính đưa ra trong các Báo cáo tài chính phải có độ tin cậy cao và rõ ràng.

Điều quan trọng đối với các doanh nghiệp thương mại là làm sao thực hiện tốt việc luân chuyển vốn trong kinh doanh, làm tăng vòng quay của vốn để từ đó duy trì tốt hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Muốn làm được điều đó thì trước hết doanh nghiệp phải thực hiện tốt khâu bán hàng vì:

- Hoàn thiện quá trình này giúp cho khối lượng công việc kế toán được giảm nhẹ, hệ thống sổ sách đơn giản, dễ ghi chép, đối chiếu, xác định chính xác thời điểm phát sinh nghiệp vụ kinh tế... tạo điều kiện cho việc lập các Báo cáo tài chính cuối kỳ, đảm bảo cung cấp đầy đủ thông tin kinh tế cho các đối tượng quan tâm.

- Quá trình này được hoàn thiện sẽ giúp cho việc tổ chức chứng từ ban đầu và quá trình luân chuyển chứng từ được dễ dàng, tiết kiệm được chi phí và thời

gian, tạo thuận lợi cho công tác kế toán cuối kỳ để phản ánh một cách chính xác, trung thực, đầy đủ tình hình kinh doanh của một doanh nghiệp để từ đó xác định chính xác được hiệu quả của một kỳ kinh doanh và tình hình tài chính của doanh nghiệp, đưa ra phương hướng kinh doanh cho kỳ tới.

3.2.2. Nguyên tắc của việc hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Để đáp ứng yêu cầu quản lý về hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp ngày càng cao thì việc hạch toán kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh ở Công ty phải dựa trên những nguyên tắc sau:

- Hoàn thiện phải tuân thủ hệ thống kế toán, chế độ kế toán do Nhà nước ban hành nhưng không cứng nhắc mà linh hoạt. Để đáp ứng nhu cầu về quản lý đồng bộ hoạt động kinh tế tài chính của các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế trong nước, Nhà nước ta đã xây dựng và ban hành hệ thống kế toán và chế độ kế toán. Đây là những văn bản có tính bắt buộc. Bởi vậy khi hoàn thiện không vi phạm chế độ kế toán. Mặc dù vậy doanh nghiệp cũng cần có sự linh hoạt trong việc vận dụng chế độ kế toán để phù hợp với đặc điểm tình hình kinh doanh của công ty. Nếu doanh nghiệp thấy không phù hợp thì có kiến nghị sửa đổi, bổ sung trong khuôn khổ nhất định và có sự cho phép của cấp có thẩm quyền.

- Hoàn thiện phải dựa trên cơ sở phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh của Công ty. Mỗi công ty có những đặc điểm khác nhau về tổ chức sản xuất kinh doanh, loại hình kinh doanh và trình độ yêu cầu quản lý. Do vậy việc vận dụng hệ thống, chế độ, thể lệ tài chính kế toán trong doanh nghiệp phải hợp lý, sáng tạo, phù hợp với đặc điểm riêng của doanh nghiệp.

- Hoàn thiện trên cơ sở đáp ứng yêu cầu về thông tin phải nhanh chóng, kịp thời, chính xác phù hợp với yêu cầu quản lý của doanh nghiệp, giúp cho người quản lý nắm bắt được tình hình sản xuất kinh doanh, từ đó có quyết định đúng đắn nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh toàn doanh nghiệp.

- Hoàn thiện trên cơ sở tiết kiệm chi phí: Doanh nghiệp hoạt động với mục đích chủ yếu là lợi nhuận, lợi nhuận càng cao chứng tỏ doanh nghiệp kinh doanh có hiệu quả, ngày càng phát triển. Do đó, không thể tách rời hoạt động của doanh nghiệp với mục đích hạch toán kinh tế.

3.2.3. Một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín

Trong quá trình thực tập tại Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín ngoài những mặt tích cực thì về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định

kết quả kinh doanh còn có những mặt hạn chế như đã trình bày ở trên. Vì vậy, em xin đưa ra một số kiến nghị để một phần nào đó hoàn thiện hơn công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty như sau:

➤ ***Kiến nghị 1: Về tổ chức bộ máy kế toán và phương pháp ghi chép sổ sách kế toán.***

Để có bộ máy kế toán hoàn chỉnh, hoạt động hiệu quả, đảm bảo cho việc cung cấp thông tin, số liệu phục vụ cho việc lập báo cáo theo quy định của pháp luật thì cần hoàn thiện bộ máy kế toán và hạch toán kế toán trong công ty.

Hoàn thiện tổ chức bộ máy kế toán đầu tiên phải nâng cao trình độ của các nhân viên kế toán. Công ty nên cho nhân viên đi đào tạo thêm về nghiệp vụ kế toán, học các lớp tin học, các khóa học về sử dụng phần mềm kế toán để nâng cao hiệu quả giải quyết công việc, đáp ứng yêu cầu của nhà quản lý.

Hiện nay, trong thời kỳ kinh tế thị trường, sự ứng dụng khoa học công nghệ đã mang lại hiệu quả kinh tế cao. Để theo kịp thời đại và áp ứng yêu cầu quản lý, Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín nên sử dụng phần mềm kế toán vào công tác hạch toán kế toán.

Trên thị trường hiện nay, có rất nhiều các phần mềm kế toán để công ty có thể lựa chọn như: Phần mềm kế toán MISA, SMART, VACOM, SASINNOVA,.. Công ty có thể tìm thêm các đối tác để mua hoặc đặt hàng phần mềm để phù hợp với đặc điểm kinh doanh và đặc điểm bộ máy kế toán.

Việc áp dụng phần mềm kế toán tại doanh nghiệp thể hiện sự nhanh nhẹn, thích nghi với nền công nghiệp hiện đại. Hiện tại, phòng kế toán đã được trang bị đầy đủ máy vi tính phục vụ công tác kế toán. Đó là điều kiện thuận lợi để ứng dụng phần mềm kế toán vào công ty.

Công ty thực hiện tốt việc áp dụng phần mềm kế toán giúp cải thiện hiệu quả làm việc của công ty cho dù công ty là nhỏ hay lớn. Ngay cả những phần mềm kế toán đơn giản nhất cũng có thể mang lại điều này. Với việc thay đổi về nhu cầu quản lý tài chính của công ty, hoàn toàn có thể nâng cấp lên phiên bản tốt hơn hay mở rộng quy mô ứng dụng. Phần mềm kế toán giúp tối ưu hóa quá trình kinh doanh để có thể quản lý một cách đơn giản và dễ dàng hơn. Hơn nữa, nó dễ dàng chia sẻ dữ liệu cho các chương trình kinh doanh khác và thực hiện các báo cáo phục vụ cho kinh doanh. Bên cạnh đó còn giúp quản lý các đầu mục chi phí một cách hợp lý.

Khi áp dụng phần mềm kế toán giúp cho bộ máy kế toán đơn giản, gọn nhẹ nhưng vẫn đảm bảo hoàn thành tốt công việc. Bộ máy kế toán sắp xếp đúng

người, đúng việc để đảm bảo các đối tượng được theo dõi một cách chính xác. Từ đó, giúp tiết kiệm chi phí và nâng cao hiệu quả cho công ty.

➤ ***Ý kiến thứ 2: Về việc trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi.***

Hiện nay, Công ty đang có những khoản nợ xấu, công ty đã thực hiện đòi nợ nhiều lần nhưng chưa thành công và có khoản nợ xác định là không đòi được. Vì vậy, việc trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi cũng như xóa sổ các khoản nợ xác định là không đòi được mang ý nghĩa rất quan trọng. Nó sẽ giúp doanh nghiệp hạn chế tối đa tổn thất phải chịu khi có những sự cố khách hàng không thể thanh toán được cũng như phản ánh đúng đắn tình hình tài chính của doanh nghiệp.

* *Về cơ sở pháp lý của việc trích lập dự phòng:* Căn cứ để lập trích lập dự phòng là thông tư số 228/2009-BTC, sửa đổi và bổ sung theo thông tư số 34/2011-BTC và thông tư số 89/2013-BTC.

* *Điều kiện để trích lập dự phòng:*

- Khoản nợ phải có chứng từ gốc, có đối chiếu xác nhận của khách nợ về số tiền còn nợ, bao gồm: hợp đồng kinh tế, kế ước vay nợ, bản thanh lý hợp đồng, cam kết nợ, đối chiếu công nợ và các chứng từ khác.

Các khoản không đủ căn cứ xác định là nợ phải thu theo quy định này phải xử lý như một khoản tổn thất.

- Các trường hợp xác định là khoản nợ phải thu khó đòi:

+ Nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trên hợp đồng kinh tế, các kế ước vay nợ hoặc các cam kết nợ khác.

+ Nợ phải thu chưa đến thời hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết.

+ Những khoản nợ quá 3 năm trở lên thì được coi như nợ không có khả năng thu hồi.

* *Mức trích lập dự phòng mà công ty có thể áp dụng:* từ 6 tháng đến dưới 1 năm: 30%, từ 1 năm đến dưới 2 năm: 50%, từ 2 năm đến dưới 3 năm: 70%, từ 3 năm trở lên: 100%.

* *Tài khoản sử dụng:* Việc trích lập dự phòng sẽ hạch toán theo tài khoản 229 (2293), đây là tài khoản dùng để phản ánh tình hình trích lập, sử dụng và hoàn nhập khoản dự phòng các khoản phải thu khó đòi hoặc có khả năng không đòi được vào cuối niên độ kế toán.

* Các nghiệp vụ liên quan đến trích lập dự phòng và xử lý dự phòng nợ phải thu khó đòi được thể hiện như sau:

+ Cuối năm tài chính N, doanh nghiệp cần tính toán mức trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi cho năm tài chính N+1 nếu có phát sinh, kế toán ghi:

Nợ TK 642 - Chi phí quản lý kinh doanh

Có TK 2293 – Dự phòng phải thu khó đòi

+ Cuối năm tài chính N +1, nếu số dư nợ hải thu khó đòi cần trích lập ở kỳ này nhỏ hơn so với kỳ trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch được hoàn nhập ghi giảm chi phí :

Nợ TK 2293 – Dự phòng phải thu khó đòi

Có TK 642- Chi tiết hoàn nhập khoản dự phòng phải thu khó đòi

+ Cuối năm tài chính N +1, nếu số dư nợ phải thu khó đòi cần trích lập ở kỳ này lớn hơn số trích lập kì trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch lớn hơn được hạch toán vào chi phí, ghi:

Nợ TK 642 - Chi phí quản lý kinh doanh

Có TK 2293 – Dự phòng phải thu khó đòi

+ Đối với các khoản nợ phải thu khó đòi đã xử lý xóa nợ, nếu sau đó lại thu hồi được nợ, kế toán căn cứ vào giá trị thực tế của khoản nợ đã thu hồi được, ghi:

Nợ TK 111, 112...

Có K 711- Thu nhập khác

+ Các khoản nợ phải thu khi xác định là không đòi được phép xóa nợ, ghi:

Nợ TK 2293- Dự phòng phải thu khó đòi (Nếu đã trích lập dự phòng)

Nợ TK 642 - Chi phí quản lý kinh doanh (Nếu chưa lập dự phòng)

Có TK 131- Phải thu khách hàng

Có TK 138- Phải thu khác

Ý nghĩa của việc trích lập dự phòng phải thu khó đòi là: giúp công ty đánh giá được khả năng tính toán của khách hàng, đảm bảo sự phù hợp giữa doanh thu, chi phí phát sinh trong kỳ, giúp cho tình hình tài chính của công ty không bị biến động khi phát sinh các khoản nợ không đòi được.

Ví dụ 3.1: Theo kết quả tính toán được số tiền công ty cần phải trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi tại 31/12/2018 được thể hiện trong bảng sau:

Biểu 3.1: Bảng trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi

BẢNG TRÍCH LẬP DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU KHÓ ĐÒI

Tại ngày 31/12/2018

STT	Tên Khách Hàng	Số Tiền Nợ	Thời gian quá hạn	Tỷ lệ trích	Số tiền trích
1	Công ty Cổ Phần Bảo Bình	143.132.550	1 năm 2tháng 15 ngày	50%	71.566.275
2	Công ty vận tải Sóng Đông	51.540.000	7 tháng 20 ngày	30%	15.462.000
...
	Tổng cộng	390.111.980	x	x	196.655.341

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

- Tổng số tiền cần phải trích lập dự phòng ngày 31/12/2018 cho khoản nợ quá hạn là: 196.655.341đồng.

Căn cứ vào các số liệu trên, kế toán ghi:

Nợ TK 642 : 196.655.341

Có TK 229(3) : 196.655.341

➤ **Ý kiến thứ 3: Hoàn thiện hệ thống sổ sách kế toán**

Để việc theo dõi và quản lý chi phí quản lý kinh doanh được thực hiện tốt thì kế toán công ty nên mở chi tiết tài khoản 642 nhằm theo dõi chi phí phát sinh theo yếu tố và ứng với mỗi yếu tố chi phí là tài khoản được mở chi tiết tương ứng:

✓ **Tài khoản 642** có thể mở chi tiết thành các tài khoản cấp 2, cấp 3

Qua việc mở chi tiết các tài khoản chi phí trên, sẽ giúp cho công ty dễ dàng theo dõi một cách chi tiết các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ kế toán. Từ đó, giúp nhà quản trị có thể thấy được những khoản chi phí nào phát sinh nhiều, vượt quá mức để có thể đưa ra những giải pháp kịp thời để giúp tiết kiệm chi phí một cách hiệu quả, tránh lãng phí, nâng cao lợi nhuận cho công ty.

Bên cạnh việc theo dõi chi phí quản lý doanh nghiệp theo yếu tố để phục vụ cho công tác quản trị chi phí, thì doanh nghiệp cũng có thể phân bổ chi phí quản lý doanh nghiệp để xác định kết quả cho từng mặt hàng, dịch vụ. Điều này sẽ giúp cho doanh nghiệp đưa ra các quyết định chuẩn xác hơn.

Biểu số 3.2: Sổ chi phí quản lý kinh doanh

Mẫu số S18-DN

(Ban hành theo TT số 133/2016/TT - BTC

ngày 26/08/2016 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH

Tài khoản: 642 – chi phí quản lý kinh doanh

Năm 2018

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Ghi Nợ TK 642									
	SH	NT			Tổng số tiền	Chia ra								
						6421				6422				
						64211	64212	...	Cộng	64221	64222	64228	Cộng	
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5	6	7	8	9	
25/11	HĐ386 PC30/11	25/11	Chi tiếp khách	642 133 111	3.410.000									

Sổ này cótrang, đánh từ trang 01 đến trang.....

- Ngày mở sổ:

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày ... tháng ... năm...
Giám đốc
(Ký, họ tên)

KẾT LUẬN

Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh có vị trí rất quan trọng trong công tác kế toán của Doanh nghiệp. Việc xác định, phản ánh kịp thời, chính xác, chi tiết, cụ thể doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh sẽ giúp cho nhà quản trị nắm được tình hình tài chính của công ty và đưa ra được những phương hướng phát triển đúng đắn trong doanh nghiệp.

Qua thời gian thực tập tại Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín cùng với những kiến thức đã được học tại trường, em đã nhận thức được vai trò của công tác kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh nói riêng. Có thể nói, khóa luận đã nêu được ra các vấn đề cơ bản sau:

Về lý luận, bài viết đã hệ thống hóa một cách chi tiết và đầy đủ các vấn đề lý luận cơ bản về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh trong doanh nghiệp theo quy định hiện hành.

Về thực tiễn, bài viết đã trình bày được khá chi tiết và cụ thể thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh tại Công ty. Bài viết có số liệu minh họa cụ thể (Năm 2018).

Về mặt giải pháp, bài viết đã đánh giá được những ưu điểm, nhược điểm của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh tại Công ty, trên cơ sở đó tác giả đã đưa ra được các giải pháp hoàn thiện có tính khả thi và tương đối phù hợp với tình hình thực tế tại công ty.

Vì thời gian thực tập, sự hiểu biết và trình độ nghiệp vụ còn hạn chế nên bài viết của em còn nhiều thiếu sót. Em kính mong các thầy cô chỉ bảo, tạo điều kiện thuận lợi để em hoàn thành tốt bài khóa luận này.

Cuối cùng, em xin chân thành cảm ơn ban lãnh đạo, các anh chị trong phòng kế toán của Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín đã tạo điều kiện cũng như sự hướng dẫn tận tình của thầy giáo ***ThS. Nguyễn Văn Thụ*** để em có thể hoàn thành tốt bài khóa luận tốt nghiệp này.

Sinh viên

Phạm Thu Trang

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ tài chính (2009), *Chế độ kế toán doanh nghiệp quyển 1 Hệ thống tài khoản kế toán*, Nhà xuất bản Tài chính.
2. Bộ tài chính (2009), *Chế độ kế toán doanh nghiệp quyển 2 Báo cáo tài chính, chứng từ, sổ sách kế toán và sơ đồ kế toán*, Nhà xuất bản Tài chính.
3. Thông tư 133/2016/TT (2016), *Hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp*, Bộ tài chính
4. Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín (2018) *Sổ sách kế toán Công ty*.
5. Các tài liệu khác trên mạng internet.